

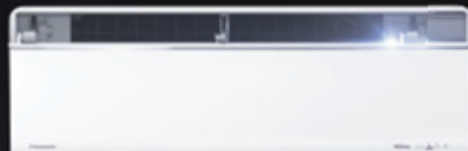
**ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ
2020/2021**



**Tích hợp hệ thống lọc
không khí độc lập**
Chỉ 25W/giờ với chế độ làm lạnh TẮT



**Điều khiển
tại nhà/
từ xa**



**INVERTER SANG TRỌNG
SKY SERIES**



**INVERTER CAO CẤP
AERO SERIES**



SKYWING

AEROWINGS



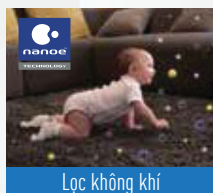
QUALITY AIR FOR LIFE

KHÍ SẠCH SỐNG CHẤT

Không khí trong lành là thành phần thiết yếu cho cuộc sống khỏe mạnh.

Tại Panasonic, chúng tôi không ngừng cải tiến để mang lại cho mọi người trên khắp thế giới một cuộc sống thoải mái và khỏe mạnh.

Như một lời cam kết, Panasonic cung cấp Giải pháp không khí chuyên nghiệp với 4 giải pháp chính đáp ứng mọi nhu cầu nhằm đem lại không gian trong lành cho cuộc sống khỏe mạnh.



**Cải thiện khí sạch,
Nâng tầm cuộc sống.**

MỤC LỤC

02 - 03

Khí sạch sống chất

04 - 05

Vấn đề chất lượng không khí trong nhà

06 - 07

Giải pháp không khí cho ngôi nhà

08 - 09

Giải pháp không khí cho phòng khách + phòng ăn

10 - 11

Giải pháp không khí cho phòng ngủ

12 - 13

Giải pháp không khí cho phòng học

14 - 23

Lọc không khí – Công nghệ nanoe™

Công nghệ nanoe™ là gì

Hiệu quả của công nghệ nanoe™

Lọc không khí 24 giờ

Lý do chọn công nghệ nanoe™

24 - 25

Kết nối thông minh - Ứng dụng Panasonic Comfort Cloud

Điều khiển qua mạng không dây

LAN kết nối Internet

26 - 27

Luồng gió

SKYWING / AEROWINGS / Cánh đảo lớn

28 - 30

Hiệu quả không khí toàn diện

Chế độ ECO với công nghệ A.I. / Inverter/ CSPF/ R32

31

Độ bền

32 - 67

Dải sản phẩm

Giải thích công nghệ

So sánh tính năng

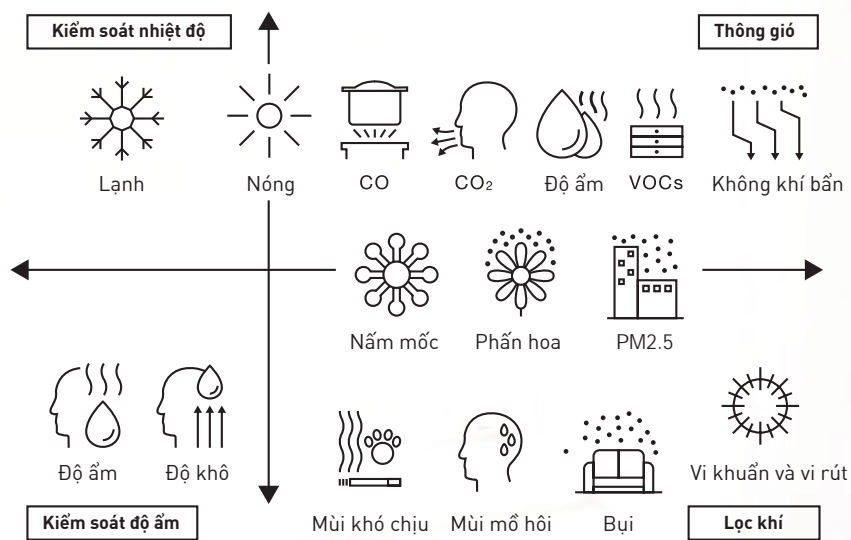
Giải thích tính năng

Các dòng sản phẩm

Nhận biết về vấn đề Chất lượng không khí trong nhà

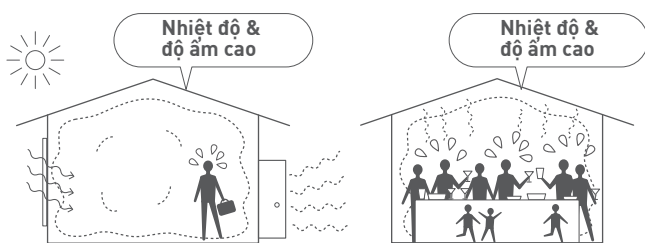
Ô nhiễm từ bên ngoài dễ dàng xâm nhập vào nhà một cách vô hình, khiến chất lượng không khí trong nhà trở thành vấn đề nghiêm trọng hơn những gì chúng ta tưởng.

Vấn đề thường gặp với chất lượng không khí trong nhà



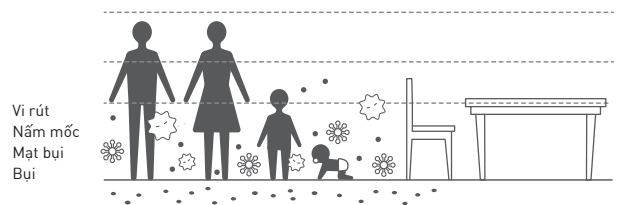
Phòng khách

Bạn cảm thấy bí bách khi về nhà?
Bạn cảm thấy khó chịu vì phòng khách chật kín người khi tổ chức tiệc?

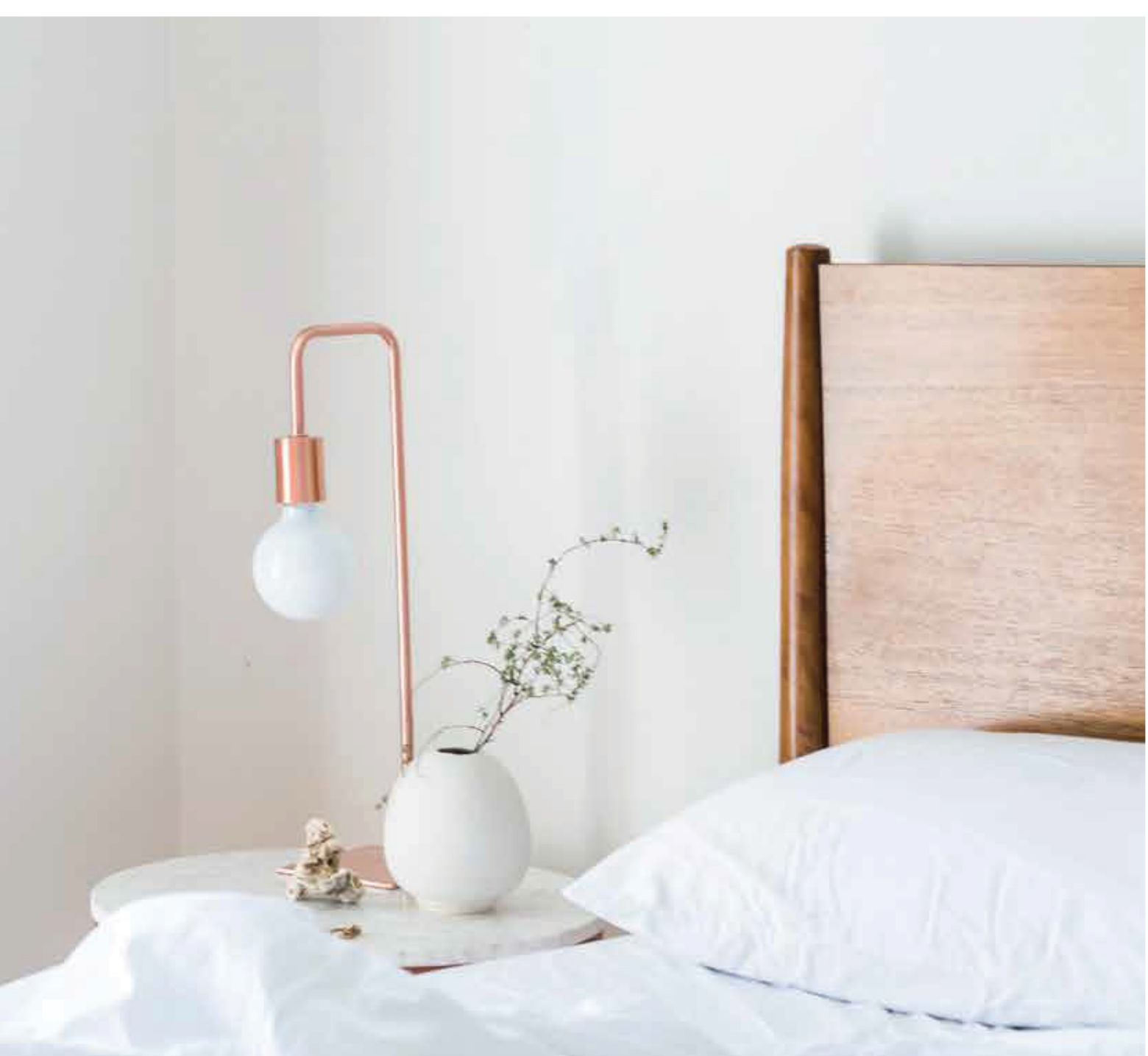


Không khí nóng có xu hướng tích tụ trong không gian kín và con người góp phần gia tăng nhiệt độ và độ ẩm.

Điều kiện sức khỏe có liên quan đến chênh lệch chiều cao giữa trẻ em và người lớn không?

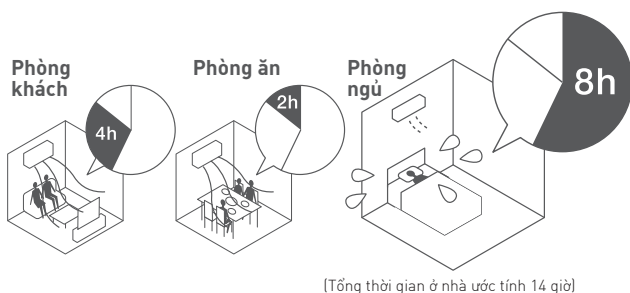


Trẻ nhỏ tiếp xúc gần sàn và đồ đạc suốt ngày dài.



Phòng ngủ

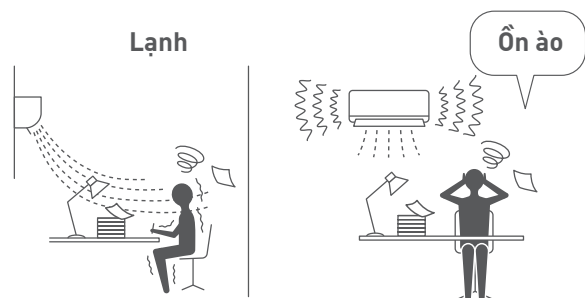
Thông thường, khu vực nào mọi người dành thời gian nhiều nhất trong nhà?



Hầu hết chúng ta dành khoảng 8 tiếng mỗi ngày trong phòng ngủ.

Phòng học

Con bạn khó tập trung học bài khi ở trong phòng?



Tiếng vận hành lớn làm trẻ mất tập trung và trẻ có thể thấy lạnh hơn khi ở trong phòng hẹp.

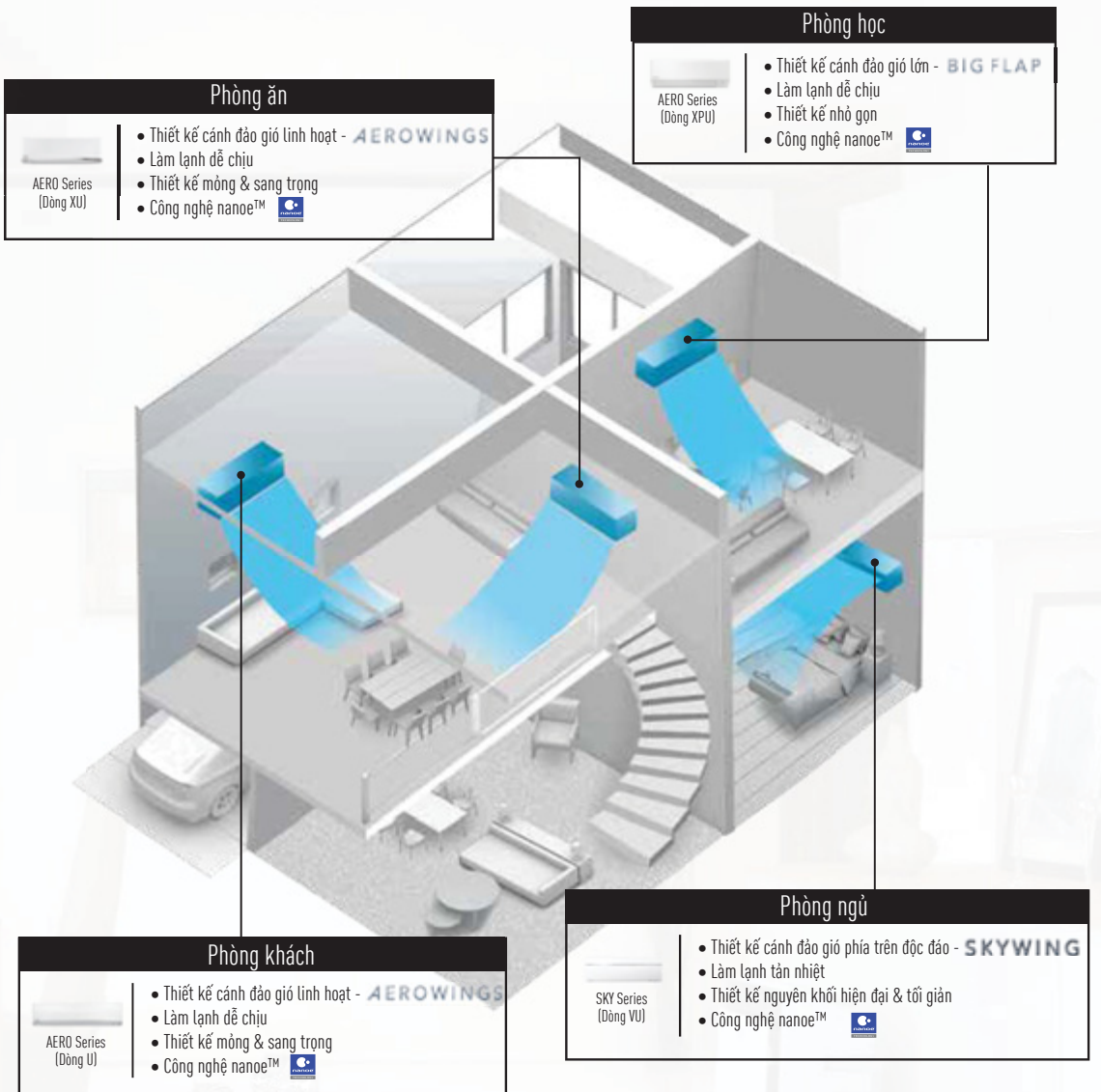
Giải pháp không khí chất lượng cho ngôi nhà của bạn



Panasonic cung cấp giải pháp không khí toàn diện giúp cuộc sống thoải mái hơn với các giải pháp tối ưu cho đa dạng không gian sống.

Nâng tầm cuộc sống nhờ không khí trong lành.

Giải pháp không khí toàn diện ứng dụng cho nhiều loại phòng khác nhau với mục đích sử dụng khác nhau, mang lại cho gia đình bạn không gian sống thoải mái và khỏe mạnh.



Phòng khách



Phòng ăn



Phòng ngủ







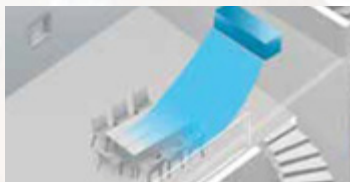







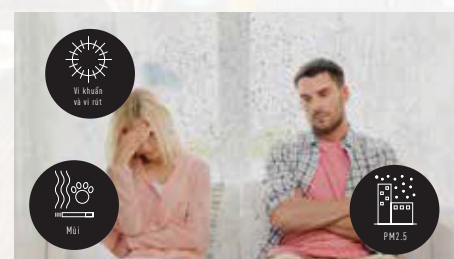
Phòng học

Thư giãn trong chính căn nhà của bạn



Lắp đặt

Phòng khách + Phòng ăn	Phòng ăn
 <p data-bbox="255 1691 510 1724">Dòng một chiều INVERTER CAO CẤP 2.5HP</p> <div data-bbox="223 1724 558 1825">      <p data-bbox="367 1792 446 1825">(Tùy chọn)</p> </div>	 <p data-bbox="654 1691 909 1724">Dòng một chiều AERO INVERTER CAO CẤP 1.5HP</p> <div data-bbox="622 1724 957 1825">      <p data-bbox="766 1792 845 1825">(Tùy chọn)</p> </div>



Không gian ngọt ngào và ô nhiễm
 • Cảm giác khó chịu trong phòng khách đông người do bụi bẩn từ bên ngoài vào.

Giải pháp không khí cho Phòng khách + Phòng ăn

Lọc sạch không khí



Lọc sạch không khí

- Loại bỏ các hạt bụi (PM2.5) từ bên ngoài.



Không gian trong lành cho trẻ tự do vui chơi

- Ức chế vi khuẩn và vi rút để trẻ tự do khám phá.



Không gian sống trong lành

- Hạn chế mùi thức ăn và các mùi khó chịu khác như mùi vật nuôi và mùi thuốc lá.

* nanoe™ X áp dụng cho dòng XU.

Luồng gió



Làm lạnh nhanh chóng khu vực sinh hoạt chung

- Mát lạnh tức thì ngay khi vừa khởi động giúp người dùng tận hưởng không khí mát lạnh.



Mát lạnh đồng đều khắp phòng

- Cánh đảo gió AEROWINGS tự động chuyển sang chế độ làm lạnh để chịu ngay khi điều hòa đạt đến nhiệt độ cài đặt.

Hiệu suất làm lạnh



Phạm vi công suất làm lạnh rộng đáp ứng mọi không gian phòng khác nhau

- Tận hưởng cảm giác dễ chịu nhờ phạm vi công suất làm lạnh rộng từ 1.02kW đến 4.20kW.



Tự động điều chỉnh nhiệt độ với kiểm soát nhiệt độ chính xác

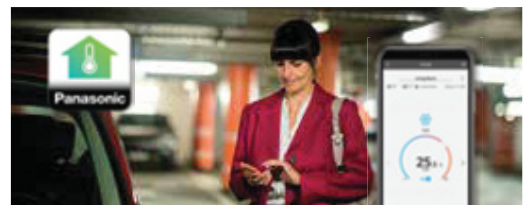
- Công nghệ biến tần Inverter thay đổi tốc độ quay của máy nén giúp duy trì nhiệt độ cài đặt.

Kết nối thông minh*



Duy trì sự thoải mái cho những người thân yêu khi bạn vắng nhà

- Ứng dụng Comfort Cloud cho phép kiểm soát chất lượng không khí trong nhà từ thiết bị di động.



Dễ dàng điều chỉnh nhiệt độ phòng ở mọi nơi


- Làm mát căn phòng trước khi về và điều chỉnh nhiệt độ ngay cả khi bạn không ở nhà.

* Điều khiển qua mạng không dây LAN với kết nối Internet (bộ điều hợp mạng tùy chọn) áp dụng cho các dòng INVERTER SANG TRỌNG, AERO INVERTER CAO CẤP, và INVERTER TIÊU CHUẨN. Bộ điều hợp mạng được tích hợp sẵn trong các sản phẩm CS-WPU9/12/18/24WKH-8M.

Tận hưởng giấc ngủ ngon và sáng khoái khi thức dậy



Lắp đặt

Phòng ngủ lớn	Phòng ngủ trẻ em
 <p>Dòng một chiều INVERTER sang trọng 2.0HP</p> <p>SKY Series (Đông VU)</p> <p>nanoe TECHNOLOGY SKYWING</p> <p>P-TECh INVERTER</p> <p>EXTRA (CS-VU9UKH-8)</p> <p>(Tùy chọn)</p>	 <p>Dòng một chiều AERO INVERTER cao cấp 1.5HP</p> <p>AERO Series (Đông XU)</p> <p>nanoe TECHNOLOGY AEROWINGS</p> <p>P-TECh INVERTER</p> <p>(Tùy chọn)</p>

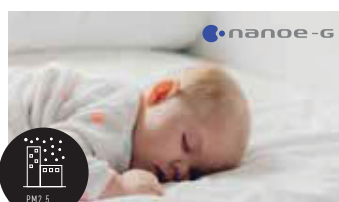


Bụi bẩn và các phân tử gây hại có trong không khí hoặc bám trên bề mặt đồ vật

- Các chất ô nhiễm độc hại trong phòng có thể là nguyên nhân gây khó ngủ.

Giải pháp không khí toàn diện cho Phòng ngủ

Lọc sạch không khí



Không gian trong lành cho giấc ngủ sâu

- Loại bỏ bụi bẩn (PM2.5) trong không khí mang lại giấc ngon.



Chặn mùi thơm mát

- Các hạt nanoTM X thấm sâu vào từng sợi vải giúp khử mùi và ức chế các chất ô nhiễm.



Duy trì độ ẩm cho giấc ngủ ngon

- Công nghệ nanoTM X giúp giữ ẩm cho làn da và mái tóc.

Luồng gió



Tận hưởng luồng gió mát dễ chịu

- Tận hưởng từng phút thư giãn tại phòng ngủ với luồng gió mát lạnh dễ chịu.



Trẻ hóa với giấc ngủ sâu

- Làm lạnh tản nhiệt làm mát đều khắp phòng ở nhiệt độ ổn định giúp ngăn lạnh quá mức mang lại giấc ngủ ngon.

Hiệu suất làm lạnh



Ngủ ngon với nhiệt độ ổn định

- Công nghệ Inverter giúp hạn chế biến thiên nhiệt mang lại cảm giác mát lạnh dễ chịu đều khắp căn phòng.



Vận hành siêu êm

- Inverter kiểm soát nhiệt độ chính xác với vận hành êm dịu.

Kết nối thông minh*



Lọc không khí suốt 24 giờ

- Bật chế độ nanoTM để phòng ngủ luôn trong lành mà không cần mở chế độ làm lạnh, giúp phòng ngủ cả ngày sạch sẽ và tươi mát.



Bật/tắt toàn bộ điều hòa cùng lúc

- Bật/tắt từ xa các thiết bị điều hòa ở nhiều phòng cùng lúc trước khi đi ngủ.

* Điều khiển qua mạng không dây LAN với kết nối Internet (bộ điều hợp mạng tùy chọn) áp dụng cho các dòng INVERTER SANG TRỌNG, AERO INVERTER CAO CẤP, và INVERTER TIÊU CHUẨN. Bộ điều hợp mạng được tích hợp sẵn trong các sản phẩm CS-WPU9/12/18/24WKH-8M.

Nâng cao tập trung hiệu quả học tập



Lắp đặt

Phòng học



Dòng 1 chiều INVERTER tiêu chuẩn 1.5HP với nanoe™ X



(Tùy chọn)



hoặc

Dòng 1 chiều INVERTER tiêu chuẩn 1.5HP tích hợp kết nối wifi



(Tích hợp sẵn)



Chất lượng không khí kém gây thiếu tập trung

- Môi trường học tập không thoải mái khiến bạn cảm thấy mệt mỏi và làm việc kém hiệu quả.

Giải pháp không khí toàn diện cho Phòng học

Lọc sạch không khí



Phòng học sạch sẽ ít bụi (PM2.5)

- Loại bỏ hạt bụi bẩn (PM2.5) nhờ hệ thống lọc không khí bắt giữ và vô hiệu hóa tại màng lọc.



Duy trì môi trường học tập khỏe mạnh hơn

- Phòng học sạch sẽ không có vi khuẩn và các chất gây dị ứng giúp việc tập trung học tập hiệu quả hơn và tránh xa bệnh tật.

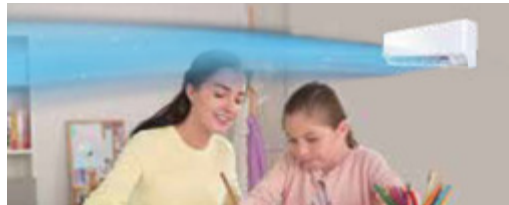


Không khí sạch cho không gian học tập trong lành

- Loại bỏ các mùi khó chịu như mùi vật nuôi và mùi mồ hôi.

* nanoe™ X áp dụng cho dòng XPU.

Lưu thông gió



Môi trường học tập thoải mái

- Lưu thông gió lạnh dễ chịu thổi đều khắp căn phòng mà không gây quá lạnh giúp nâng cao sự tập trung.



Giữ sách luôn khô ráo

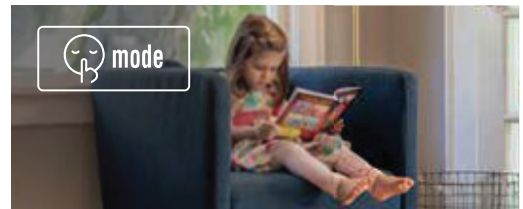
- Bật "Chế độ khử ẩm" để kiểm soát độ ẩm.

Hiệu suất làm lạnh



Mang lại không gian học tập thoải mái và tiết kiệm năng lượng

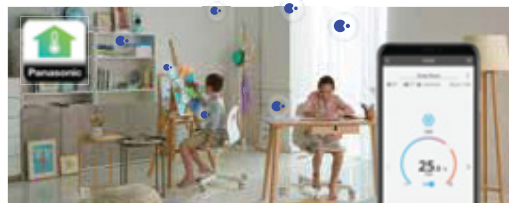
- Chế độ ECO tích hợp trí tuệ nhân tạo A.I tự học hỏi và ứng dụng vào môi trường trường sống dựa trên điều kiện tài nhiệt và công suất điều hòa để tiết kiệm năng lượng tối đa.



Giảm xao lãng giúp nâng cao tập trung

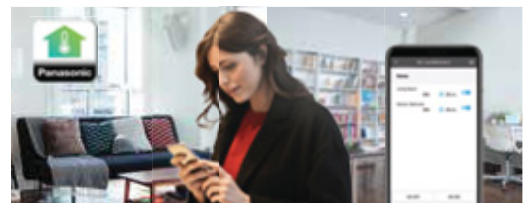
- Không gian phòng học mát mẻ và yên tĩnh nhờ chế độ siêu êm.

Kết nối thông minh*



Không khí trong lành và sạch sẽ suốt ngày dài

- Dễ dàng kiểm soát chất lượng không khí và kích hoạt chế độ nanoe™ nhờ ứng dụng Panasonic Comfort Cloud.



Dễ dàng điều chỉnh nhiệt độ thông qua thiết bị di động

- Điều khiển nhiệt độ từ xa ngay cả khi bạn vắng nhà.

* Điều khiển qua mạng không dây LAN với kết nối Internet (bộ điều hợp mạng tùy chọn) áp dụng cho các dòng INVERTER SANG TRỌNG, AERO INVERTER CAO CẤP, và INVERTER TIÊU CHUẨN. Bộ điều hợp mạng được tích hợp sẵn trong các sản phẩm CS-WPU9/12/18/24WKH-8M.



Không khí trong lành suốt 24 giờ

Lọc không khí khi bật/tắt chế độ làm lạnh

Điều hòa không khí Panasonic mới với công nghệ nanoe™ hoạt động như một hệ thống lọc không khí độc lập có thể loại bỏ nhiều loại chất gây ô nhiễm trong không khí cũng như trên các bề mặt vải.

Các hạt nanoe™ X được tạo ra từ hơi nước có thể khử mùi hiệu quả và ức chế các chất gây ô nhiễm như vi rút và vi khuẩn, nấm mốc, chất gây dị ứng, phấn hoa và các chất độc hại, thậm chí có thể dưỡng ẩm cho da và tóc.

Các ion âm trong nanoe-G có thể dễ dàng loại hạt bụi PM2.5, đảm bảo không gian trong lành suốt ngày dài cho những người thân yêu.


Khử mùi	Ức chế 5 loại chất gây ô nhiễm	Giữ ẩm	Loại bỏ bụi (PM2.5)
 Mùi	 Vi khuẩn & vi rút	 Da & tóc	 Bụi (PM2.5)
	 Nấm mốc		
	 Tác nhân gây dị ứng		
	 Phấn hoa		
	 Các chất độc hại		

nanoe™ Khử mùi và vô hiệu hóa các chất gây ô nhiễm trong không khí và trên bề mặt đồ vật, ngay cả trong sợi vải.

nanoe-G



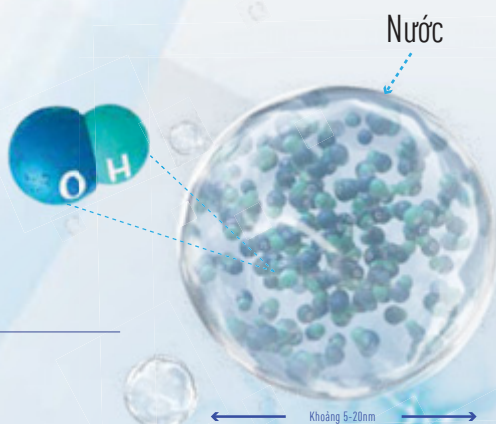
•nanoe™ là gì?

nano-technology + electric = 

nanoe™ là các phân tử nước tích điện kích thước siêu nhỏ có chứa các gốc OH tự do.

▶ Tồn tại lâu trong không khí do được bao bọc bởi nước

nanoe™ X phát huy hiệu quả lâu dài khi được bọc trong nước.

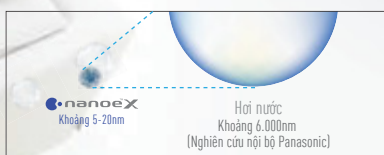


▶ Số lượng gốc OH lớn khắp phòng

Thiết bị nanoe™ X tạo ra 4.800 tỉ gốc OH/giây và lan tỏa mọi góc ngách trong ngôi nhà của bạn.

▶ Các phân tử nano kích thước siêu nhỏ dễ dàng xâm nhập vào sợi vải

Nhỏ hơn nhiều so với hạt hơi nước, nanoe™ X có thể xâm nhập sâu vào vải để vô hiệu hóa chất gây ô nhiễm và khử mùi.



Khử mùi



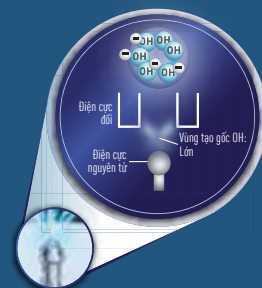
Thư giãn với không gian trong lành



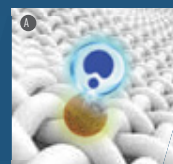
Các loại mùi gây khó chịu



nanoe™ X hoạt động như thế nào



Bộ phát nanoe™ X sử dụng một điện cực đối 4 chân tạo ra số lượng lớn gốc OH giúp tăng hiệu quả hoạt động đáng kể.



nanoe™ X tiếp cận các hạt gây mùi trong sợi vải



Các gốc OH phá vỡ các liên kết trong các phân tử gây mùi hôi



Mùi hôi bị loại bỏ

Giảm mùi khó chịu

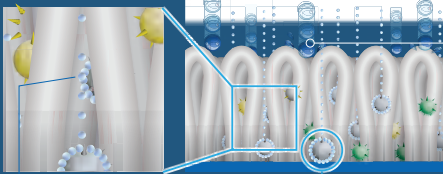
nanoe™ X thấm sâu vào sợi vải giúp giảm mùi khó chịu bám dính trên vải, mang lại không gian sống trong lành, dễ chịu.



Ức chế 5 loại chất gây ô nhiễm



Không còn ô nhiễm, bảo vệ những người thân yêu



Các hạt hơi nước

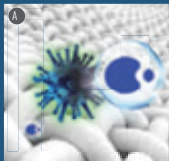
Kích thước lớn và không thể thâm nhập sâu vào sợi vải.



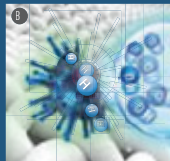
Đễ dàng thâm nhập vào sợi vải
Kích thước: khoảng 5-20nm



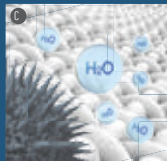
Tiếp cận và ức chế các chất ô nhiễm (vi khuẩn & vi rút, nấm mốc, chất gây dị ứng, phấn hoa và các chất độc hại).



nanoeX tiếp cận các chất gây ô nhiễm trong sợi vải

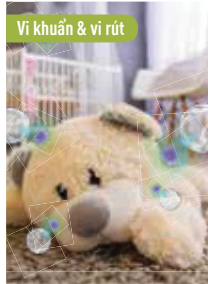


Các gốc OH tách lấy đi hydro từ các chất gây ô nhiễm



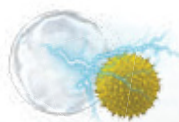
Các gốc OH tự do hấp thụ hydro để ức chế hoạt động của chất gây ô nhiễm

Các chất ô nhiễm độc hại ảnh hưởng tới sức khỏe



Ức chế hạt lơ lửng trong không khí và các chất ô nhiễm bám dính

nanoeX vô hiệu hóa các chất ô nhiễm độc hại, bảo vệ những người thân yêu khỏi các chất gây dị ứng và bệnh tật.

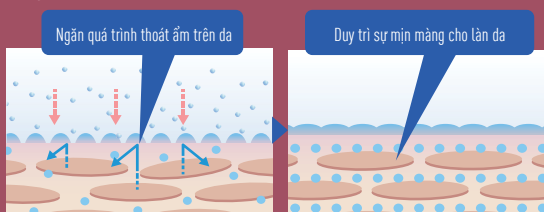




Giữ ẩm cho da & tóc

nanoe™ X hoạt động như thế nào

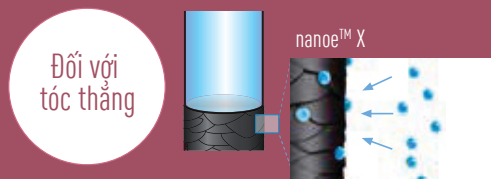
Duy trì độ ẩm cho da



[Ban đầu] nanoe™ X kết hợp với bã nhờn tự nhiên để phủ lên bề mặt da.

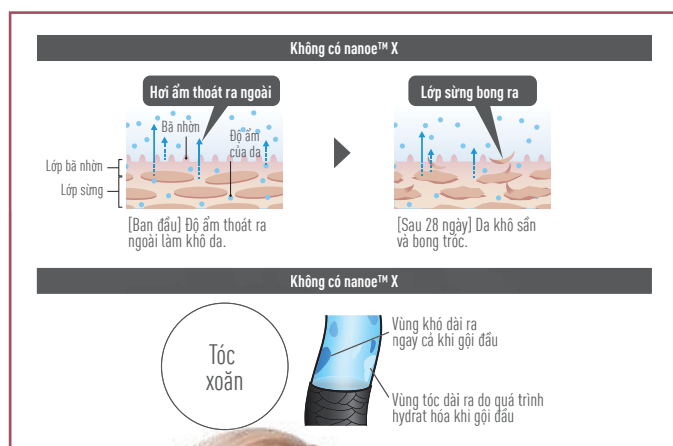
[Sau 28 ngày] Da trở nên mềm mại, căng mọng.

Duy trì mái tóc thẳng mượt hơn



Giúp cân bằng độ ẩm của tóc, mang lại mái tóc óng ả và mượt mà.

Da và tóc thiếu độ ẩm



Lưu giữ độ ẩm trên da và tóc

Các hạt nước nanoe™ X giúp cân bằng độ ẩm, mang lại một làn da mềm mại, căng bóng và mái tóc suôn mềm.

Loại bỏ bụi bẩn (PM2.5)

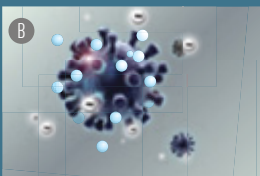


Hít thở không khí
sạch và trong lành

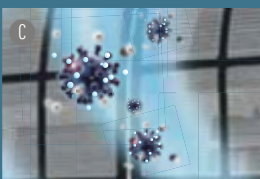
nanoe-G hoạt động như thế nào



Bộ phát nanoe-G giải phóng các ion âm.



Các ion âm bám vào các hạt bụi.



Các hạt bụi được chuyển về màng lọc và bị vô hiệu hóa tại đó.

Các hạt bụi (PM2.5) có thể là nguyên nhân gây bệnh



Loại bỏ các hạt bụi nhỏ như PM2.5

Các ion âm bám vào các hạt bụi (PM2.5). Các hạt bụi này được chuyển về và bị vô hiệu tại màng lọc.



Lọc sạch không khí và ức chế



LỌC SẠCH
— NGAY CẢ KHI —
TẮT CHỨC NĂNG
LÀM LẠNH DIỆN NĂNG TIÊU THỤ THẤP

Chỉ 25W/giờ*

Điện năng tiêu thụ thấp khi ở chế độ quạt với 25W/giờ



24

Trả lại không gian sống tươi mát cho căn nhà



BẬT chế độ nanoe™ để khử mùi, ức chế chất gây ô nhiễm và loại bỏ các hạt bụi bẩn (PM2.5).

Lọc không khí ngay cả khi bạn không ở nhà



Bước 1:

Bật điều hòa không khí với ứng dụng Panasonic Comfort Cloud

Bước 2:

Chọn chế độ nanoe™ từ "Lựa chọn chế độ". Màn hình hiển thị chế độ nanoe™.

* Mức tiêu thụ điện năng có thể khác tùy vào dòng sản phẩm.

Phòng khách + Phòng ăn

Lọc không khí

Phòng ngủ

Lọc không khí



Thời gian ở ngoài
10 giờ

các chất ô nhiễm suốt ngày dài



Thanh lọc
ngôi nhà
giờ

Không tốn chi phí bảo dưỡng

Không cần bảo trì bộ phát
nanoe™ X.

Không gian trong lành và dễ chịu cho những người thân yêu

Kiểm soát chất lượng không khí giúp bạn tận hưởng thời gian bên
gia đình và có một giấc ngủ ngon trong không gian sống của mình.

Lọc không khí khi bạn ở nhà



Bước 1:
TẮT điều hòa

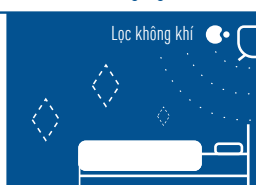
Bước 2:
BẬT chế độ nanoe™

Phòng khách + Phòng ăn

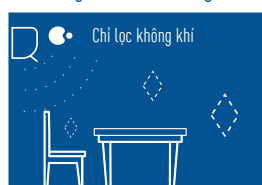


Thời gian trong phòng: 6 giờ

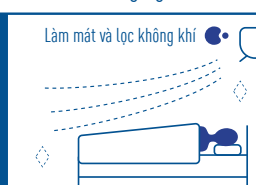
Phòng ngủ



Phòng khách + Phòng ăn



Phòng ngủ



Thời gian trong phòng: 8 giờ



Hệ Thống Lọc Không Khí Tiên Tiến của Panasonic

Công nghệ nanoe™ của Panasonic là hệ thống lọc không khí mang tính cách mạng, giúp không gian sống của bạn luôn trong lành và sạch sẽ.

Hiệu quả của công nghệ nanoe™ được các chuyên gia công nhận

Khuyến khích sử dụng cho những khu vực yêu cầu an toàn vệ sinh cao như các cơ sở y tế.



Giáo sư Masafumi Mukamoto
Viện nghiên cứu bệnh truyền nhiễm thú y của Đại học Osaka

Các loại nấm mốc theo không khí xâm nhập vào môi trường trong nhà. Ngay cả khi chúng ta có phương án phòng ngừa cũng rất khó để hạn chế sự phát triển của nấm mốc, đặc biệt là trong môi trường ẩm ướt. Với nanoe™ X, chúng tôi đã thử nghiệm hiệu quả¹ và thấy rằng nanoe™ X có thể ngăn chặn sự phát triển của các loại nấm mốc thường thấy ở những nơi khác nhau trong nhà. nanoe™ X cũng có khả năng kiểm soát hoạt động của vi khuẩn, vi rút mang lại không gian sống trong lành. Chúng tôi khuyến khích khách hàng nên sử dụng các thiết bị tích hợp công nghệ nanoe™ X trong các tòa nhà hoặc văn phòng đòi hỏi về môi trường trong lành như trường học, trung tâm chăm sóc trẻ em, trung tâm y tế.**

Hi vọng tạo ra không gian dễ chịu hơn cho những người mắc bệnh hen suyễn hoặc viêm da dị ứng.



Giáo sư Masahiro Sakaguchi
Trưởng đại học Azabu
Khoa dược thú y

Kết quả² các thử nghiệm cho thấy nanoe™ X có khả năng ức chế hoạt động của các chất có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn. Thời gian gần đây, bệnh hen suyễn có chiều hướng gia tăng³, và do đó chúng ta cần có giải pháp để phòng các chất gây dị ứng trong không khí. nanoe™ X có hiệu quả trong việc vô hiệu hóa các chất gây dị ứng, tạo ra không gian sống trong lành cho những người mắc bệnh hen suyễn và dị ứng. nanoe™ X cũng được chứng nhận về khả năng an toàn cho người sử dụng, mang lại sự an tâm hoàn toàn cho các gia đình có trẻ nhỏ.**

¹ Kết quả thí nghiệm cho thấy nanoe™ X có hiệu quả trong việc ngăn chặn sự phát triển của các loại nấm mốc thường thấy trong nhà như: Cladosporium, Aspergillus, Penicillium, Alternaria, Fusarium, Eurotium, Mucor, và Stachybotrys.

² Vui lòng tham khảo trang 57 để biết thêm thông tin về hiệu quả của nanoe™ X trên các chất gây dị ứng. Chất gây dị ứng là một trong những nguyên nhân gây hen suyễn hoặc dị ứng được Tổ Chức Y Tế Thế Giới thông tin tại <http://www.who.int/features/qa/46/en/>

³ Theo Tổ chức Y Tế Thế Giới, Hen phế quản: <http://www.who.int/mediacentre/factsheets/fs206/en/>

** Các tuyên bố trên được thực hiện dựa trên các thông tin có sẵn.

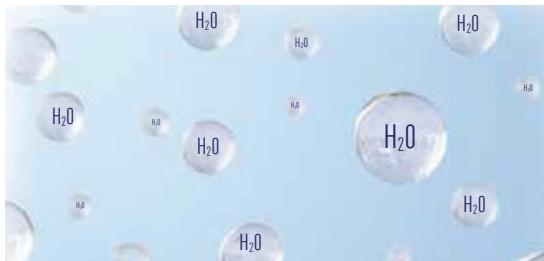
Để biết thêm thông tin chi tiết về Giáo sư Masahiro Sakaguchi, vui lòng truy cập <http://www.bioenv.osakafu-u.ac.jp/eng/infectious-diseases-control/>

Tại sao chọn công nghệ nanoe™?



Lọc không khí 24h

- Công nghệ nanoe™ có thể hoạt động độc lập ngay cả khi không kích hoạt chế độ làm lạnh, giúp lọc sạch không khí và khử mùi cho căn phòng mà vẫn đảm bảo tiết kiệm điện năng.



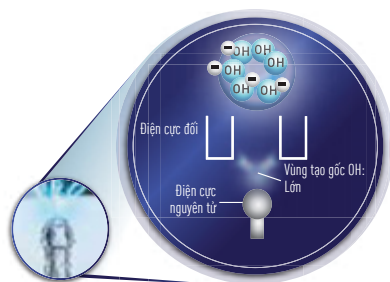
Phân tử nước H₂O trong không khí

- nanoe™ X được tạo ra từ hơi ẩm trong không khí có chứa các hạt phân tử tích điện hay còn gọi là gốc hydroxyl (OH).



Hiệu quả trên bề mặt và sợi vải

- Các hạt nanoe™ X khử mùi và ức chế các chất gây ô nhiễm trên bề mặt và thậm chí thấm sâu vào từng sợi vải.



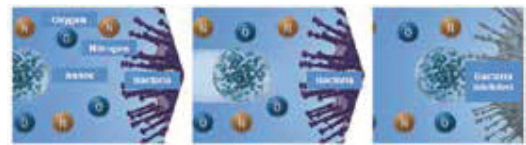
Không tốn chi phí bảo dưỡng

- nanoe™ X được tạo ra từ hơi nước trong không khí, do đó không cần bảo trì, bảo dưỡng bộ phát nanoe™ X.



Thân thiện với người mắc hen suyễn và dị ứng

- Tổ chức Sensitive Choice chứng nhận nanoe™ X giúp mang lại cuộc sống thoải mái hơn cho khách hàng mắc hen suyễn và dị ứng.

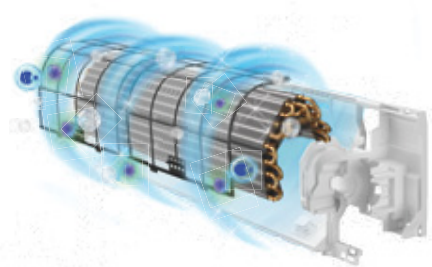


Tồn tại hơn 600 giây trong không khí

Các phân tử nanoe™ X có vòng đời dài hơn

- Tuổi thọ dài hơn gấp 6 lần* giúp các gốc OH phát tán tới khu vực rộng lớn hơn.

* Tuổi thọ của các ion trong không khí nói chung (ion âm) dao động từ vài chục giây đến 100 giây



Vệ sinh bên trong

- nanoe™ X ức chế vi khuẩn và vi rút tại màng lọc, trên lá tản nhiệt và cửa gió thổi ra trong quá trình vệ sinh bên trong.



An toàn và không có hóa chất

- Tính an toàn của nanoe™ X đã được các viện khoa học và phòng thí nghiệm kiểm chứng và xác nhận. Hãy truy cập vào website của Panasonic để biết thêm các thông tin báo cáo thí nghiệm.
<https://www.panasonic.com/global/corporate/technology-design/technology/nanoe.html>



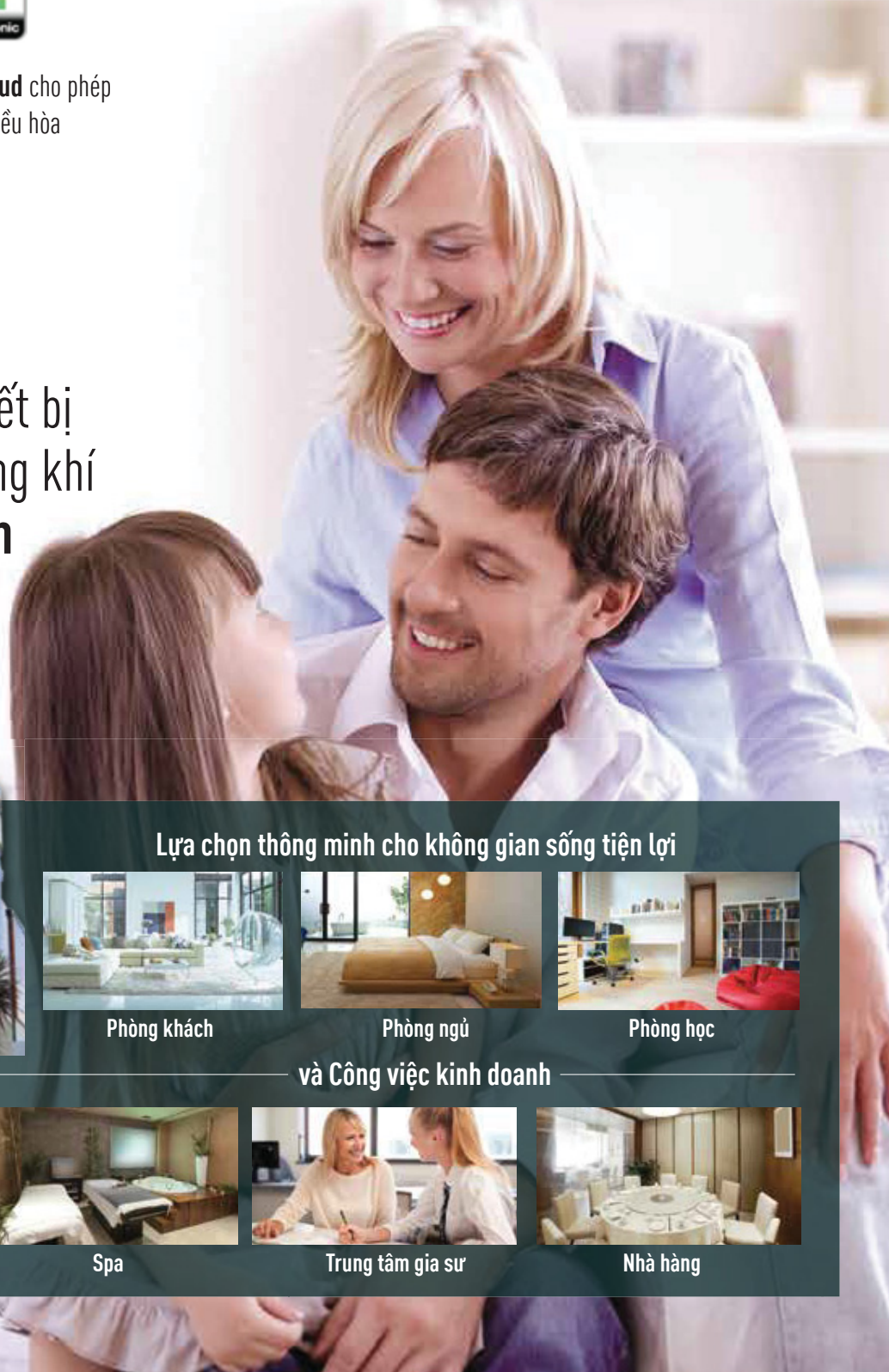
Kết nối thông minh

Giải pháp Tiện lợi Tập trung



Ứng dụng **Panasonic Comfort Cloud** cho phép quản lý và giám sát nhiều thiết bị điều hòa trong nhà chỉ từ 1 thiết bị di động.

Điều khiển các thiết bị máy điều hòa không khí từ xa **cho gia đình**



Lựa chọn thông minh cho không gian sống tiện lợi



Phòng khách



Phòng ngủ



Phòng học

và Công việc kinh doanh



Phòng Karaoke



Spa



Trung tâm gia sư



Nhà hàng

Giải Pháp Không Khí Thông Minh

Ứng dụng thông minh cho gia đình và hộ kinh doanh

Điều khiển thông minh

Điều khiển nhiều thiết bị điều hòa trong nhà



Điều khiển nhiều thiết bị điều hòa ở nhiều địa điểm

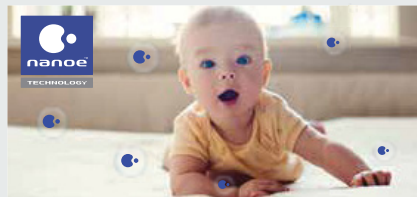


Tiện ích thông minh

Điều khiển toàn bộ tính năng điều hòa từ xa



Kích hoạt chức năng lọc không khí 24 giờ



Làm mát căn phòng trước khi về

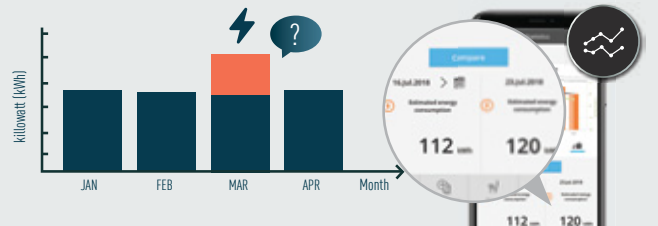


Hiệu quả thông minh

Các biểu đồ phân tích hiệu quả sử dụng điện năng

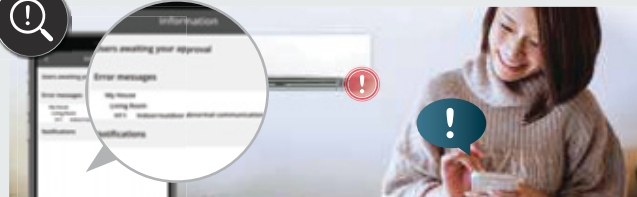


So sánh quá trình sử dụng để có kế hoạch chi tiêu tốt hơn



Hỗ trợ thông minh

Xử lý sự cố dễ dàng



Chỉ định người dùng khác khi bạn đi vắng



Thiết bị và trình duyệt tương thích

- iOS 9.0 hoặc cao hơn
- Android 4.4 hoặc cao hơn



Video hướng dẫn cài đặt ứng dụng Panasonic Comfort Cloud với bộ điều hợp mạng:



Bộ điều hợp mạng tích hợp sẵn



Bộ điều hợp mạng tùy chọn

Lưu ý: Đây không phải là danh sách chính xác tất cả các thiết bị tương thích, các thiết bị tương tự sử dụng Hệ điều hành được hỗ trợ cũng có thể kết nối thông qua Ứng dụng chuyên dụng. Người dùng có thể thấy khác đôi chút tùy vào kết hợp phần cứng và phần mềm của thiết bị.

* Điều khiển qua mạng không dây LAN với kết nối Internet (bộ điều hợp mạng tùy chọn) áp dụng cho các dòng INVERTER SANG TRỌNG, AERO INVERTER CAO CẤP, và INVERTER TIÊU CHUẨN. Bộ điều hợp mạng được tích hợp sẵn trong các sản phẩm CS-WPU9/12/18/24WKH-8M.

Luồng gió

Mát lạnh dễ chịu với luồng gió thổi nhanh hơn, xa hơn

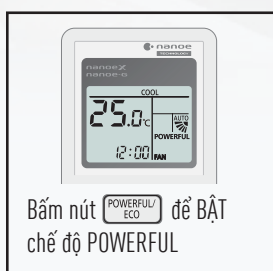
Giải pháp không khí của Panasonic mang tới cảm giác mát lạnh dễ chịu cho cuộc sống khỏe mạnh của bạn và cả gia đình.



MỚI Chế độ POWERFUL giúp làm lạnh tức thì

Tận hưởng cảm giác mát lạnh nhanh hơn chỉ với một nút bấm

- Chế độ POWERFUL sẽ vận hành máy nén và quạt dàn lạnh ở tốc độ cao giúp bạn nhanh chóng tận hưởng cảm giác mát lạnh.



Làm lạnh ngay khi vừa khởi động

- Chế độ POWERFUL làm lạnh nhanh hơn lên đến 18%* ngay khi bật điều hòa.
- Tận hưởng cảm giác mát lạnh tức thì, ngay cả trong những ngày nóng bức.



LÊN TỚI
18%*
LÀM MÁT
NHANH

* So sánh chế độ làm lạnh nhanh Powerful & chế độ làm lạnh thông thường ở dòng Inverter 1.SHP

Chế độ POWERFUL:
Chế độ POWERFUL, nhiệt độ ngoài trời : 35°C/24°C
Nhiệt độ cài đặt : 25°C, tốc độ quạt: Mạnh.
Hướng gió ngang : Giữa
Hướng gió dọc : Thẳng

Tổng thời gian cần để làm mát phòng từ 35°C xuống 29°C.
Tại Phòng thí nghiệm Panasonic (kích thước: 16,6 m²)
Hiệu quả khác nhau tùy vào điều kiện lắp đặt và sử dụng.

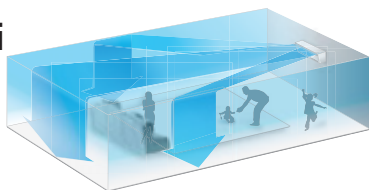
Chế độ làm mát thông thường:
Chế độ làm mát, nhiệt độ ngoài trời : 35°C/24°C
Nhiệt độ cài đặt : 25°C, tốc độ quạt: Cao.
Hướng gió ngang : Giữa
Hướng gió dọc : Thẳng

* Áp dụng với các dòng máy có chức năng POWERFUL.

SKYWING

Mở rộng phạm vi làm mát

Căn phòng được mát lạnh đồng đều.



LUỒNG GIÓ THỐI RỘNG HƠN
Tăng lên 12 cánh đảo gió ngang



LUỒNG GIÓ THỐI XA HƠN
Kích thước cánh đảo gió lớn hơn 53%

Trước đây 32,5mm
10 cánh đảo gió ngang

Lớn hơn **53%**

Mới 68,7mm
12 cánh đảo gió ngang

- Cánh đảo gió ngang lớn hơn giúp không khí lạnh được phân bố rộng khắp phòng.



Làm lạnh tản nhiệt

- Sau khi đạt nhiệt độ cài đặt, cánh đảo gió SKYWING hướng luồng gió lên trên, làm mát tường và trần nhà, mang lại không gian mát lạnh đều khắp cho căn phòng.



Làm lạnh nhanh

- Làm mát tức thì với Công nghệ máy nén Inverter, P-TECH.

Đánh giá luồng gió của LÀM LẠNH TẢN NHIỆT



Thử nghiệm với khói

SKYWING hướng luồng gió lên trên làm mát trần và tường.

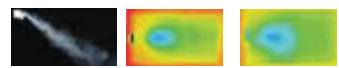
Thử nghiệm về phân bố nhiệt độ

Nhiệt được loại bỏ khỏi trần và tường.

Gió thổi phía dưới dàn lạnh

Không khí nóng được hút vào từ phía dưới, và không khí mát thổi ra từ phía trên.

Đánh giá luồng gió của LÀM LẠNH NHANH



Thử nghiệm với khói

SKYWING hướng luồng không khí xuống dưới để làm mát tức thì.

Thử nghiệm về phân bố nhiệt độ

Làm lạnh thông thường
Làm lạnh chậm sẽ không lạnh đồng đều trong phòng.

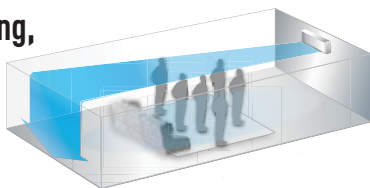
Làm lạnh nhanh

Luồng gió mạnh làm lạnh phòng đồng đều.

AEROWINGS

Luồng gió tập trung, thổi xa hơn

Luồng gió thổi xa hơn và nhanh hơn đi khắp phòng.



Làm lạnh dễ chịu

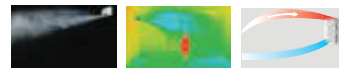
- Luồng gió mát lan tỏa nhanh chóng, sau đó làm mát đồng đều khắp phòng.



Làm lạnh nhanh

- Cánh đảo gió kép AEROWINGS hướng trực tiếp luồng gió xuống dưới để làm mát nhanh chóng.

Đánh giá luồng gió của Làm lạnh dễ chịu



Thử nghiệm với khói

AEROWINGS hướng luồng gió lên phía trên và thổi rộng ra xa căn phòng, sau đó lan tỏa xuống nhẹ nhàng và đều khắp phòng.

Thử nghiệm về phân bố nhiệt độ

AEROWINGS hướng luồng gió ra xa và cao hơn về phía trần nhà để tránh làm lạnh trực tiếp.

Gió thổi đỉnh dàn lạnh

Không khí nóng được hút về phía dàn lạnh, luồng khí lạnh thổi ra từ phía dưới lan tỏa đều khắp phòng.

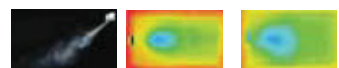
Luồng gió thổi tập trung, xa hơn và nhanh hơn



- 2 động cơ độc lập**
Điều khiển cánh đảo gió chính và cánh phụ hoạt động độc lập.
- Cánh đảo gió phụ**
Nén và tập trung luồng gió thổi ra.
- Cánh đảo gió lớn hơn**
Giúp hướng luồng gió thổi xa hơn.

- Với 2 cánh đảo gió kép hoạt động độc lập, giúp luồng khí lạnh được thổi ra mạnh hơn, làm lạnh sâu và nhanh hơn.

Đánh giá luồng gió của Làm lạnh nhanh



Thử nghiệm với khói

AEROWINGS hướng luồng gió xuống để làm mát tức thì không gian phía dưới.

Thử nghiệm về phân bố nhiệt độ

Làm lạnh thông thường
Làm lạnh chậm sẽ không làm mát đồng đều.

Làm lạnh nhanh

Luồng gió tập trung làm mát phòng ngay lập tức và đều khắp phòng.

BIG FLAP

Luồng gió thổi xa hơn

Cánh đảo gió lớn hướng luồng gió mát tới khắp phòng.



Làm lạnh dễ chịu

- Luồng gió được thổi hướng lên trên lan tỏa đều khắp phòng.



Làm lạnh nhanh

- Cánh đảo gió lớn hướng luồng gió thẳng xuống dưới giúp làm lạnh nhanh hơn.

MỚI
Bật chế độ POWERFUL để làm lạnh nhanh hơn

* Áp dụng cho các dòng máy có chức năng POWERFUL.

Hiệu quả không khí toàn diện

MỚI

ECO+A.I.

Cân bằng hài hòa giữa
Tiết kiệm năng lượng
Và mang lại sự dễ chịu

Chế độ ECO mới của Panasonic kết hợp với công nghệ trí tuệ nhân tạo (A.I.) để "học tập" môi trường trong phòng, từ đó dựa trên điều kiện tải nhiệt và công suất của điều hòa giúp tiết kiệm điện tối đa bằng cách tự động điều chỉnh chức năng ECO tối ưu.



Tiết kiệm năng lượng



Cảm giác dễ chịu

Tự động thích nghi với căn nhà và giúp tiết kiệm năng lượng tối đa

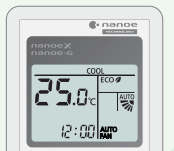
Vì môi trường mỗi phòng khác nhau, chế độ ECO kết hợp A.I. sẽ làm mát căn phòng hiệu quả dựa trên lượng tải nhiệt bên trong mỗi phòng, và tìm ra mức cân bằng ECO hoàn hảo nhất giữa mức tiêu thụ điện năng và thời gian đạt nhiệt độ mong muốn để duy trì cảm giác thoải mái dễ chịu mà vẫn tiết kiệm năng lượng.

Chế độ ECO kết hợp A.I. sẽ tự động nắm bắt và phán đoán cấp độ ECO tối ưu dựa trên:

- 1 Điều kiện phòng
- 2 Nguồn nhiệt có thể bắt nguồn từ:
(A) Ánh nắng mặt trời và đèn trong phòng
(B) Máy tính và các thiết bị điện khác
(C) Thân nhiệt

Cách kích hoạt chế độ ECO kết hợp A.I.

- Ấn **POWERFUL/ECO** một lần để bật chế độ POWERFUL.
- Ấn **POWERFUL/ECO** 2 lần để bật chế độ ECO.
- Ấn **POWERFUL/ECO** 3 lần để hủy/tắt chế độ ECO.



ECO+A.I.

Khi điều hòa bật



Trường hợp 1- Phòng lớn và nóng vào ban ngày do ánh nắng mặt trời

- Yêu cầu làm mát nhanh
Chế độ ECO tích hợp A.I. ưu tiên mang lại sự mát lạnh thoải mái đồng thời tiết kiệm điện năng nhờ chế độ ECO.



Trường hợp 2- Ban đêm với gió mát

- Không cần làm mát nhanh
Chế độ ECO tích hợp A.I. ưu tiên tiết kiệm năng lượng tối đa.

Sau khi đạt nhiệt độ cài đặt



- Thoải mái dễ chịu cho dù ngày hay đêm
• Tiết kiệm năng lượng sau khi đạt nhiệt độ cài đặt
Chế độ ECO tích hợp A.I. tiếp tục tiết kiệm năng lượng và tự động điều chỉnh nhiệt độ phòng để luôn mang lại cảm giác mát lạnh dễ chịu.



*So sánh chế độ ECO & chế độ thông thường trên dòng Inverter 1.5HP

Chế độ ECO:
Nhiệt độ ngoài trời : 35°C/24°C
Nhiệt độ cài đặt : 25°C, Tốc độ quạt: Cao.
Hướng gió ngang : Giữa
Hướng gió dọc : Thẳng

Tổng công suất tiêu thụ được đo trong 1 giờ ở điều kiện vận hành ổn định.
Tại Phòng thí nghiệm Panasonic (kích thước: 13,3 m³)
Hiệu quả khác nhau tùy vào điều kiện lắp đặt và sử dụng

Chế độ thông thường:
Nhiệt độ ngoài trời: 35°C/24°C
Nhiệt độ cài đặt : 25°C, Tốc độ quạt: Cao.
Hướng gió ngang : Giữa
Hướng gió dọc : Thẳng

* Chỉ áp dụng cho các dòng sản phẩm có chức năng ECO+A.I.



Công nghệ thân thiện với môi trường

Lựa chọn thông minh và thân thiện với môi trường cùng công nghệ tiết kiệm năng lượng tối ưu cho cuộc sống.

MỚI

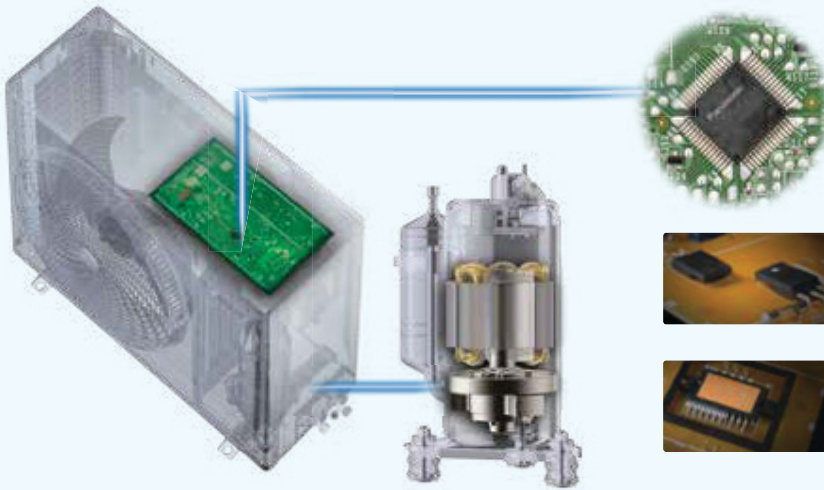
ECO+A.I.

INVERTER

INVERTER

Tiết kiệm năng lượng và kiểm soát nhiệt độ chính xác

Công nghệ INVERTER của Panasonic giúp tiết kiệm điện năng bằng cách thay đổi tốc độ quay của máy nén theo sự thay đổi nhiệt độ phòng, giảm thiểu sự biến thiên liên tục của nhiệt độ trong phòng.



"Bộ não" của công nghệ Inverter

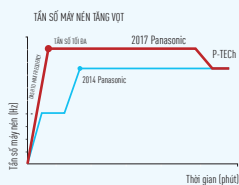
Vi xử lý xác định chế độ hoạt động phù hợp nhất trong mỗi khoảng thời gian và tự động điều chỉnh công suất đầu ra để luôn mang lại nhiệt độ thoải mái.

PAM (bộ khuếch đại Biên Độ Xung)

Tăng điện áp của máy nén một cách nhanh chóng để cấp lượng gió mạnh mẽ giúp đạt nhiệt độ cài đặt nhanh nhất ngay khi khởi động.

PWM (bộ điều biến Độ Rộng Xung)

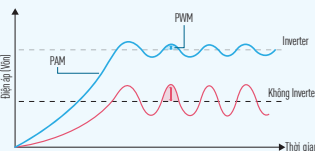
Ổn định tốc độ quay của máy nén để duy trì nhiệt độ cài đặt.



P-TECH* – Sức mạnh phía sau công nghệ làm lạnh nhanh

Máy nén đạt tần số tối đa trong thời gian ngắn nhất sau khi khởi động.

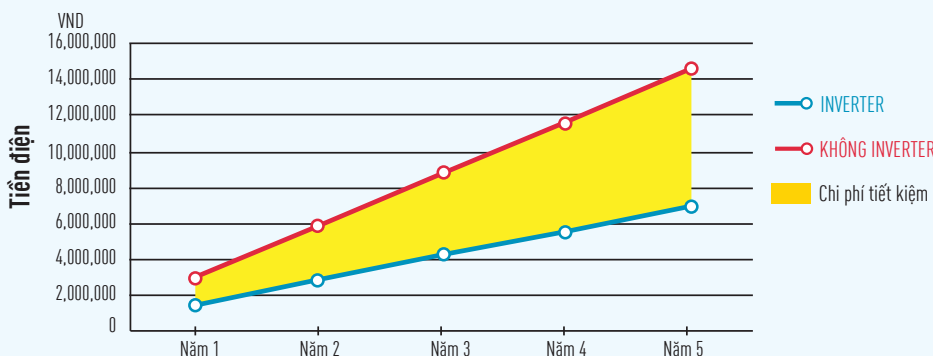
*P-Tech chỉ áp dụng cho các dòng có chức năng iAUTO-X



Làm lạnh nhanh và thoải mái liên tục

PAM tăng công suất điện làm cho máy nén tăng tốc độ quay tối đa ngay khi khởi động giúp làm lạnh nhanh chóng. Khi đạt được nhiệt độ cài đặt, PWM kiểm soát tốc độ quay của máy nén, duy trì nhiệt độ, mang lại không gian mát lạnh nhưng vẫn tiết kiệm điện năng.

Tiết kiệm đến 1,500,000 đồng mỗi năm với dòng sản phẩm INVERTER



ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ KHÔNG INVERTER

Điều hòa không khí Không Inverter hoạt động ở tốc độ quay không đổi để duy trì nhiệt độ cài đặt. Chính vì thế, máy nén sẽ được bật/ tắt liên tục dẫn đến tình trạng hao phí điện năng, đặc biệt trong điều kiện phòng có nhiệt độ biến thiên liên tục.

* So sánh giữa sản phẩm Inverter cao cấp ZHP và sản phẩm Không Inverter tiêu chuẩn ZHP.

* Chi phí điện tiêu thụ được tính dựa trên giá điện trung bình của Việt Nam (khoảng 2,000 đồng) và lượng điện tiêu thụ trung bình năm (trong điều kiện thí nghiệm).

* Chi phí tiết kiệm sẽ khác nhau tùy vào sản phẩm, lượng điện năng tiêu thụ hàng năm và cách sử dụng của người dùng.

Hiệu quả không khí

CSPF

R32
REFRIGERANT

Chỉ số hiệu suất lạnh toàn mùa

Chỉ số hiệu suất lạnh dựa trên điều kiện nhiệt độ thay đổi theo mùa

Máy điều hòa Panasonic không chỉ đạt được Hiệu suất năng lượng EER cao ở hoạt động định mức, mà chỉ số hiệu suất làm lạnh toàn mùa cũng rất cao. Đây là cách đo lường hiệu suất năng lượng dựa trên điều kiện sử dụng thực tế của khách hàng trong một năm.

CSPF đo lường mức điện năng tiêu thụ và hiệu suất sử dụng năng lượng trong một năm có tính đến thay đổi về điều kiện nhiệt độ và thời gian không hoạt động để đưa ra chỉ số hiệu suất chính xác và thực tế trong thời gian dài.

So sánh Hiệu suất lạnh toàn mùa CSPF và hiệu suất danh nghĩa

Chỉ số	Danh nghĩa	CSPF
Nhiệt độ	Sử dụng 1 điều kiện về nhiệt độ, ví dụ, nhiệt độ ngoài trời 35°C để làm mát. Trên thực tế, nhiệt độ ngoài trời liên tục thay đổi.	Áp dụng nhiều điểm nhiệt độ làm lạnh để đánh giá, phản ánh hiệu suất thực tế trong toàn bộ mùa khảo sát.
Công suất làm lạnh	Tính toán dựa trên công suất tối đa. Do đó, khó có thể chứng minh lợi ích của công nghệ INVERTER.	Tích hợp các hoạt động ở mức tải một phần thay vì công suất tối đa. Do đó, có thể xác định được ưu điểm của công nghệ INVERTER.



Định nghĩa về chỉ số hiệu suất lạnh toàn mùa CSPF

Chỉ số này cho biết tương ứng với 1kWh điện năng mà máy điều hòa tiêu thụ, người sử dụng sẽ nhận được bao nhiêu hơi lạnh từ không gian được điều hòa, trong đó có tính cả việc nhiệt độ môi trường thay đổi theo từng mùa trong năm. CSPF càng cao thì hiệu suất làm lạnh càng lớn.

Môi chất bền vững

Môi chất lạnh thân thiện với môi trường



ĐẶC TÍNH CỦA MÔI CHẤT LẠNH R22, R32 VÀ R410A

	R-32	R410A	R-22
Thành phần	Một thành phần	2 thành phần	Một thành phần
Công thức hóa học	CH ₂ F ₂	CH ₂ F ₂ / CHF ₂ CF ₃	CHCLF ₂
Nhiệt độ sôi (°C)	-51.7	-51.5	-40.8
Chỉ số tác động lên tầng ô zôn (ODP)	0	0	0.055
Chỉ số làm ấm lên toàn cầu (GWP)	675	2090	1810
Áp suất	1.6 x	1.6 x	1x
Môi chất lạnh	Dầu tổng hợp (FW50S)	Dầu tổng hợp (FW50S)	Dầu khoáng
Độc tính	Không	Không	Không
Khả năng cháy	A2L dễ cháy mức trung bình	A1 không bắt lửa	A1 không bắt lửa

**HIỆU SUẤT
LÀM LẠNH
CAO HƠN**

Ga R32 có hiệu suất làm lạnh cao hơn, tăng cường khả năng trao đổi nhiệt.

**GIẢM
CHI PHÍ
ĐIỆN NĂNG**

Tiêu thụ ít điện năng hơn, giúp tiết kiệm chi phí.

**THÂN THIỆN
VỚI
MÔI TRƯỜNG**

R32 không ảnh hưởng đến tầng ô zôn, thân thiện với môi trường.

CSPF

R32
REFRIGERANT

Độ bền cao

Độ bền cao

Dàn nóng với thiết kế chống ăn mòn cho độ bền cao

Dàn nóng Panasonic có khả năng chịu nhiều điều kiện môi trường với độ bền cao, cho hiệu quả vận hành vượt trội.



Dàn tản nhiệt xanh

- Độ bền cao
- Bảo vệ dàn tản nhiệt khỏi ăn mòn do không khí, nước và các chất ăn mòn khác.
- Chống bụi



Dàn tản nhiệt ống đồng

- Truyền nhiệt tốt hơn
- Công suất làm lạnh cao hơn
- Dễ dàng vệ sinh và bảo trì

COPPER TUBE CONDENSER



Vỏ TOUGH SHIELD*

Vỏ TOUGH SHIELD của Panasonic được cấu tạo từ các thành phần có độ bền cao

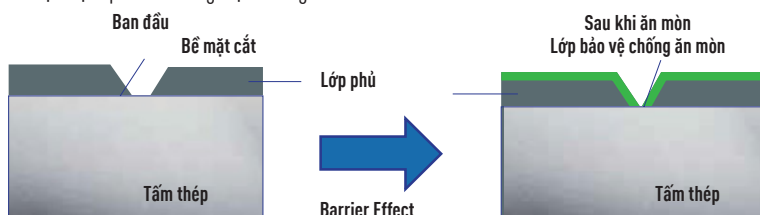
- Kẽm
- Ma-giê
- Nhôm
- Silicon

Lớp vỏ bảo vệ này với hiệu quả chống ăn mòn đặc biệt là trên các bề mặt phẳng và mặt cắt.

Chống ăn mòn Barrier Effect:

Cơ chế chống ăn mòn trên bề mặt cắt

Lớp phủ tan chảy và tạo thành một lớp màng bảo vệ chặt chẽ tạo ra "Hiệu ứng rào chắn Barrier Effect", đem lại hiệu quả cao trong việc chống ăn mòn.



PCB chống thấm nước

- Các phần tiếp xúc trên Bảng mạch in (PCB) được phủ nhựa
- Ngăn chặn ảnh hưởng khi tiếp xúc với nước

* Chỉ áp dụng cho dòng INVERTER TIÊU CHUẨN có nanoe™ X



CS-VU9UKH-8 | CS-VU12UKH-8 | CS-VU18UKH-8



Điều khiển không dây



Điều khiển có dây (Tùy chọn)



Bộ điều hợp mạng CZ-TACG1* (Tùy chọn)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

MODEL	(50Hz)	Làm lạnh () : Dàn nóng			
		CS-VU9UKH-8 [CU-VU9UKH-8]	CS-VU12UKH-8 [CU-VU12UKH-8]	CS-VU18UKH-8 [CU-VU18UKH-8]	
Công suất làm lạnh	(nhỏ nhất - lớn nhất) kW	2.50 (0.84-3.60)	3.40 (1.02-4.50)	5.20 (1.10-5.80)	
	(nhỏ nhất - lớn nhất) Btu/h	8,530 (2,860-12,300)	11,600 (3,480-15,300)	17,700 (3,750-19,800)	
CSPF		6.89	6.61	5.48	
EER	(nhỏ nhất - lớn nhất) Btu/hW	17.41 (13.30-13.67)	14.15 (14.20-12.75)	12.21 (12.93-11.86)	
	(nhỏ nhất - lớn nhất) W/W	5.10 (3.91-4.00)	4.15 (4.16-3.75)	3.59 (3.79-3.47)	
Thông số điện	Điện áp V	220	220	220	
	Cường độ dòng điện A	2.4	4.0	7.0	
	Công suất điện (nhỏ nhất - lớn nhất) W	490 (215-900)	820 (245-1,200)	1,450 (290-1,670)	
Khử ẩm	L/h	1.5	2.0	2.9	
	Pt/h	3.2	4.2	6.1	
Lưu lượng gió	Dàn lạnh m ³ /phút (ft ³ /phút)	11.5 (405)	12.8 (450)	14.8 (520)	
	Dàn nóng m ³ /phút (ft ³ /phút)	31.3 (1,110)	31.3 (1,110)	34.9 (1,230)	
Độ ồn	Dàn lạnh (C/TB/T) dB(A)	42/26/18	43/28/19	46/36/33	
	Dàn nóng (C) dB(A)	47	48	49	
Kích thước	Cao	mm	306 (542)	306 (542)	306 (619)
		inch	12-1/16 (21-11/32)	12-1/16 (21-11/32)	12-1/16 (24-3/8)
	Rộng	mm	950 (780)	950 (780)	950 (824)
		inch	37-13/32 (30-23/32)	37-13/32 (30-23/32)	37-13/32 (32-15/32)
Sâu	mm	280 (289)	280 (289)	280 (299)	
	inch	11-1/32 (11-13/32)	11-1/32 (11-13/32)	11-1/32 (11-25/32)	
Khối lượng	Dàn lạnh kg (lb)	12 (26)	12 (26)	12 (26)	
	Dàn nóng kg (lb)	30 (66)	30 (66)	33 (73)	
Đường kính ống dẫn	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 12.70	ø 15.88
	inch	3/8	1/2	5/8	
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn	m	7.5	7.5	10.0
	Chiều dài tối đa	m	20	20	30
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	20
	Gas nạp bổ sung*	g/m	10	10	25
Nguồn cấp điện		Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	

* Kết nối với ứng dụng Panasonic Comfort Cloud điều khiển qua mạng không dây LAN với kết nối Internet

** Khi chiều dài đường ống đồng không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị.

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA MÀN HÌNH LED

Tận hưởng thiết kế sáng tạo với Bộ điều khiển thời trang và kiểu dáng đẹp sang trọng.

Thiết kế hiện đại với bảng điều khiển nằm dưới nắp trượt, giúp người dùng sử dụng và vận hành các chức năng một cách dễ dàng.

Bộ điều khiển có kích thước 58,9mm x 164,7mm, vừa tầm tay, giúp thao tác điều khiển thoải mái nhất.



- 1 Màn hình đèn LED giúp dễ dàng sử dụng trong bóng tối.
- 2 Nút nguồn.
- 3 Bật chức năng công nghệ nanoe™ để kích hoạt nanoe™ X và nanoe™-G giúp khử mùi và lọc sạch không khí ngay cả khi điều hòa đã tắt.
- 4 Chuyển đổi giữa CHẾ ĐỘ LÀM LẠNH TẢN NHIỆT và làm lạnh nhanh (TRỰC TIẾP).
- 5 Bấm chọn lên hoặc xuống để điều chỉnh nhiệt độ.
- 6 iAUTO-X giúp LÀM LẠNH NHANH, sau đó chuyển sang CHẾ ĐỘ LÀM LẠNH TẢN NHIỆT để tránh gió lạnh thổi trực tiếp vào người sử dụng.
- 7 Cài đặt hướng thổi gió.
- 8 Điều chỉnh tốc độ quạt.
- 9 Chuyển đổi giữa chế độ iAUTO-X, LÀM LẠNH và KHỬ ẨM.
- 10 Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt và nhiệt độ phòng cho giấc ngủ sâu hơn.
- 11 Chế độ hẹn giờ kép 24 tiếng.
- 12 Cài đặt thời gian thực [giờ và phút].



Điều khiển không dây
Áp dụng cho dòng INVERTER SANG TRỌNG

nanoe™
TECHNOLOGY

nanoe™X nanoe™-G

SKYWING

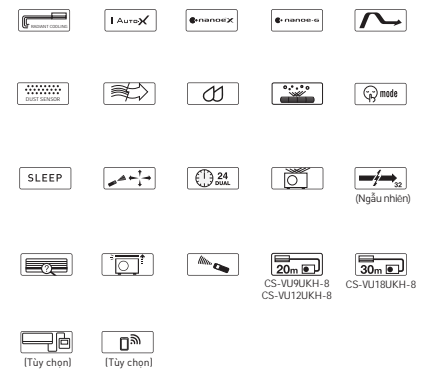
P-TECH

INVERTER

XTRA
QUIET 18dB

(CS-VU9UKH-8)

MỘT CHIỀU LÀM LẠNH



DÀN NÓNG

Blue Fin
Condenser

R32
REFRIGERANT



CU-VU9UKH-8
CU-VU12UKH-8



CU-VU18UKH-8

DÒNG MỘT CHIỀU: **INVERTER** CAO CẤP AERO



CS-XU9UKH-8 | CS-XU12UKH-8



Điều khiển không dây



Điều khiển có dây (Tùy chọn)



Bộ điều hợp mạng (Tùy chọn)



CS-XU18UKH-8 | CS-XU24UKH-8



Điều khiển không dây



Điều khiển có dây (Tùy chọn)



Bộ điều hợp mạng (Tùy chọn)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Làm lạnh () : Dàn nóng

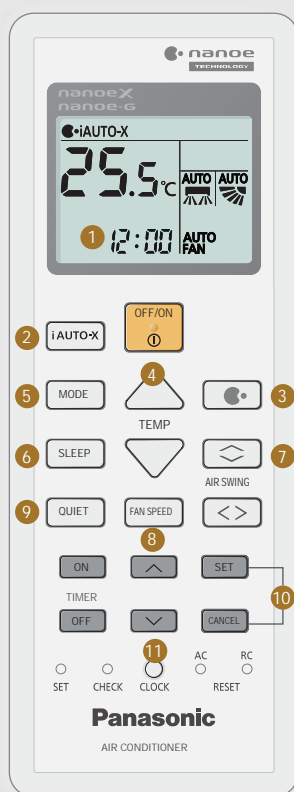
MODEL	(50Hz)	CS-XU9UKH-8 [CU-XU9UKH-8]	CS-XU12UKH-8 [CU-XU12UKH-8]	CS-XU18UKH-8 [CU-XU18UKH-8]	CS-XU24UKH-8 [CU-XU24UKH-8]	
Công suất làm lạnh	(nhỏ nhất - lớn nhất) kW	2.55 (0.84-3.20)	3.50 (1.02-4.20)	5.20 (1.10-6.00)	6.00 (1.12-6.90)	
	(nhỏ nhất - lớn nhất) Btu/h	8,700 (2,860-10,900)	11,900 (3,480-14,300)	17,700 (3,750-20,500)	20,500 (3,820-23,500)	
CSPF		5.39	6.06	6.31	6.05	
EER	(nhỏ nhất - lớn nhất) Btu/hW	12.79 (12.71-12.39)	12.93 (12.21-11.44)	13.01 (12.93-11.92)	12.42 (11.94-11.46)	
	(nhỏ nhất - lớn nhất) W/W	3.75 (3.73-3.64)	3.80 (3.58-3.36)	3.82 (3.79-3.49)	3.64 (3.50-3.37)	
Thông số điện	Điện áp V	220	220	220	220	
	Cường độ dòng điện A	3.4	4.3	6.6	7.7	
	Công suất điện (nhỏ nhất - lớn nhất) W	680 (225-880)	920 (285-1,250)	1,360 (290-1,720)	1,650 (320-2,050)	
Khử ẩm	L/h	1.6	2.0	2.9	3.3	
	Pt/h	3.4	4.2	6.1	7.0	
Lưu lượng gió	Dàn lạnh m ³ /phút (ft ³ /phút)	10.8 (380)	11.3 (400)	19.2 (680)	20.4 (720)	
	Dàn nóng m ³ /phút (ft ³ /phút)	26.5 (940)	31.1 (1,100)	36.0 (1,270)	46.3 (1,635)	
Độ ồn	Dàn lạnh (C/TB/T) dB(A)	38/26/23	40/28/25	45/32/29	46/36/33	
	Dàn nóng (C) dB(A)	47	48	50	50	
Kích thước	Cao	mm	295 (511)	295 (542)	302 (619)	302 (695)
		inch	11-5/8 (20-1/8)	11-5/8 (21-11/32)	11-29/32 (24-3/8)	11-29/32 (27-3/8)
	Rộng	mm	919 (650)	919 (780)	1,120 (824)	1,120 (875)
		inch	36-3/16 (25-19/32)	36-3/16 (30-23/32)	44-1/8 (32-15/32)	44-1/8 (34-15/32)
Sâu	mm	199 (230)	199 (289)	241 (299)	241 (320)	
	inch	7-27/32 (9-1/16)	7-27/32 (11-13/32)	9-1/2 (11-25/32)	9-1/2 (12-5/8)	
Khối lượng	Dàn lạnh kg (lb)	9 (20)	9 (20)	12 (26)	12 (26)	
	Dàn nóng kg (lb)	19 (42)	29 (64)	34 (75)	41 (90)	
Đường kính ống dẫn	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 12.70	ø 15.88	ø 15.88
	inch	3/8	1/2	5/8	5/8	
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn m	7.5	7.5	10.0	10.0	
	Chiều dài tối đa m	20	20	30	30	
	Chênh lệch độ cao tối đa m	15	15	20	20	
	Gas nạp bổ sung* g/m	10	10	25	25	
Nguồn cấp điện		Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	

* Khi chiều dài đường ống đồng không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị.

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA DỄ SỬ DỤNG

Điều khiển từ xa không dây của Panasonic được trang bị màn hình LCD tiện lợi, giúp người dùng có thể dễ dàng sử dụng và trải nghiệm tất cả tiện ích của máy điều hòa không khí Panasonic.

- Màn hình LCD hiển thị tình trạng hoạt động của máy.
- iAUTO-X giúp làm lạnh nhanh, sau đó chuyển sang chế độ LẠM LẠNH DỄ CHỊU để tránh gió lạnh thổi trực tiếp vào người sử dụng.
- Bật chức năng công nghệ nanoe™ để kích hoạt nanoe™ X và nanoe-G giúp khử mùi và lọc sạch không khí ngay cả khi điều hòa đã tắt.
- Bấm chọn lên hoặc xuống để điều chỉnh nhiệt độ.
- Chuyển đổi giữa chế độ iAUTO-X, LẠM LẠNH và KHỬ ẨM.
- Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt và nhiệt độ phòng cho giấc ngủ sâu hơn.
- Cài đặt hướng thổi gió.
- Điều chỉnh tốc độ quạt.
- Chức năng hoạt động siêu êm.
- Chế độ hẹn giờ kép 24 tiếng.
- Cài đặt thời gian thực (giờ và phút).



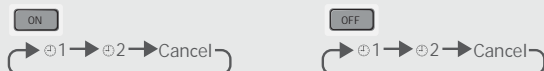
Điều khiển không dây
Áp dụng cho dòng INVERTER CAO CẤP AERO

CHẾ ĐỘ HẸN GIỜ KÉP



CHẾ ĐỘ HẸN GIỜ KÉP CHO PHÉP ĐẶT LỊCH BẬT/TẮT 2 LẦN MỖI NGÀY
Để thuận tiện, chế độ hẹn giờ sẽ được lặp lại mỗi ngày cho đến khi được hủy lệnh.

- Chọn BẬT hoặc TẮT khi hẹn giờ.



- Đặt thời gian.

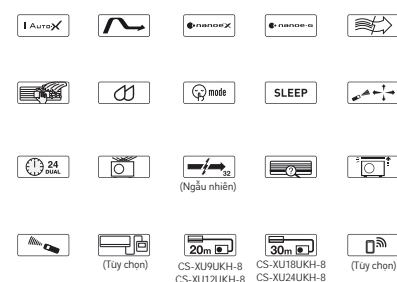


AEROWINGS

P-TECH



MỘT CHIỀU LẠM LẠNH



DÀN NÓNG



CU-XU9UKH-8



CU-XU12UKH-8



CU-XU18UKH-8



CU-XU24UKH-8

DÒNG MỘT CHIỀU: **INVERTER** SANG TRỌNG



CS-U9VKH-8 | CS-U12VKH-8



Điều khiển không dây



Điều khiển có dây (Tùy chọn)



Bộ điều hợp mạng (Tùy chọn)



CS-U18VKH-8 | CS-U24VKH-8



Điều khiển không dây



Điều khiển có dây (Tùy chọn)



Bộ điều hợp mạng (Tùy chọn)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Làm lạnh () : Dàn nóng

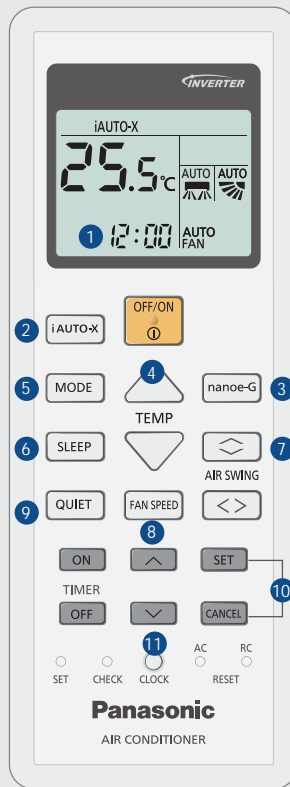
MODEL	(50Hz)	CS-U9VKH-8 [CU-U9VKH-8]	CS-U12VKH-8 [CU-U12VKH-8]	CS-U18VKH-8 [CU-U18VKH-8]	CS-U24VKH-8 [CU-U24VKH-8]	
Công suất làm lạnh	(nhỏ nhất - lớn nhất) kW	2.55 (0.84-3.20)	3.50 (1.02-4.20)	5.20 (1.10-6.00)	6.00 (1.12-6.90)	
	(nhỏ nhất - lớn nhất) Btu/h	8,700 (2,860-10,900)	11,900 (3,480-14,300)	17,700 (3,750-20,500)	20,500 (3,820-23,500)	
CSPF		5.38	6.24	6.38	6.19	
EER	(nhỏ nhất - lớn nhất) Btu/hW	12.79 (12.71-12.39)	12.93 (12.21-11.44)	13.01 (12.93-11.92)	12.42 (11.94-11.46)	
	(nhỏ nhất - lớn nhất) W/W	3.75 (3.73-3.64)	3.80 (3.58-3.36)	3.82 (3.79-3.49)	3.64 (3.50-3.37)	
Thông số điện	Điện áp V	220	220	220	220	
	Cường độ dòng điện A	3.4	4.3	6.3	7.7	
	Công suất điện (nhỏ nhất - lớn nhất) W	680 (225-880)	920 (285-1,250)	1,360 (290-1,720)	1,650 (320-2,050)	
Khử ẩm	L/h	1.6	2.0	2.9	3.3	
	Pt/h	3.4	4.2	6.1	7.0	
Lưu lượng gió	Dàn lạnh m ³ /phút (ft ³ /phút)	10.8 (380)	11.3 (400)	19.2 (680)	20.4 (720)	
	Dàn nóng m ³ /phút (ft ³ /phút)	26.5 (940)	31.1 (1,100)	36.0 (1,270)	46.3 (1,635)	
Độ ồn	Dàn lạnh (C/TB/T) dB(A)	38/26/23	40/28/25	45/32/29	46/36/33	
	Dàn nóng (C) dB(A)	47	48	50	50	
Kích thước	Cao	mm	295 (511)	295 (542)	302 (619)	302 (695)
		inch	11-5/8 (20-1/8)	11-5/8 (21-11/32)	11-29/32 (24-3/8)	11-29/32 (27-3/8)
	Rộng	mm	919 (650)	919 (780)	1,120 (824)	1,120 (875)
		inch	36-3/16 (25-19/32)	36-3/16 (30-23/32)	44-1/8 (32-15/32)	44-1/8 (34-15/32)
Sâu	mm	199 (230)	199 (289)	241 (299)	241 (320)	
	inch	7-27/32 (9-1/16)	7-27/32 (11-13/32)	9-1/2 (11-25/32)	9-1/2 (12-5/8)	
Khối lượng	Dàn lạnh kg (lb)	9 (20)	9 (20)	12 (26)	12 (26)	
	Dàn nóng kg (lb)	20 (44)	29 (64)	34(75)	41 (90)	
Đường kính ống dẫn	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 12.70	ø 12.70	ø 15.88
	inch	3/8	1/2	1/2	5/8	
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn m	7.5	7.5	10.0	10.0	
	Chiều dài tối đa m	20	20	30	30	
	Chênh lệch độ cao tối đa m	15	15	20	20	
	Gas nạp bổ sung* g/m	10	10	15	25	
Nguồn cấp điện		Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	

* Khi chiều dài đường ống đồng không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị.

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA DỄ SỬ DỤNG

Điều khiển từ xa không dây của Panasonic được trang bị màn hình LCD tiện lợi, giúp người dùng có thể dễ dàng sử dụng và trải nghiệm tất cả tiện ích của máy điều hòa không khí Panasonic.

- Màn hình LCD hiển thị tình trạng hoạt động của máy.
- iAuto-X giúp làm lạnh nhanh, sau đó chuyển sang chế độ LÀM LẠNH ĐỂ CHỊU để tránh gió lạnh thổi trực tiếp vào người sử dụng.
- Kích hoạt chức năng nanoe-G ngay cả khi điều hòa đã tắt.
- Bấm chọn lên hoặc xuống để điều chỉnh nhiệt độ.
- Chuyển đổi giữa chế độ iAUTO-X, LÀM LẠNH và KHỬ ẨM.
- Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt và nhiệt độ phòng cho giấc ngủ sâu hơn.
- Cài đặt hướng thổi gió.
- Điều chỉnh tốc độ quạt.
- Kích hoạt chức năng vận hành yên tĩnh.
- Chế độ hẹn giờ kép 24 tiếng.
- Cài đặt thời gian thực (giờ và phút).



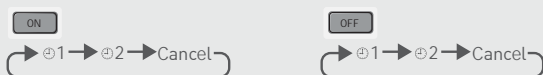
Điều khiển không dây
Áp dụng cho dòng INVERTER SANG TRỌNG

CHẾ ĐỘ HẸN GIỜ KÉP



CHẾ ĐỘ HẸN GIỜ KÉP CHO PHÉP ĐẶT LỊCH BẬT/TẮT 2 LẦN MỖI NGÀY
Để thuận tiện, chế độ hẹn giờ sẽ được lặp lại mỗi ngày cho đến khi được hủy lệnh.

- Chọn BẬT hoặc TẮT khi hẹn giờ.



- Đặt thời gian.

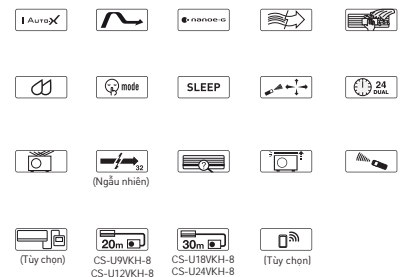


AEROWINGS

P-TECH

INVERTER

MỘT CHIỀU LÀM LẠNH



DÀN NÓNG

Blue Fin
Condenser



CU-U9VKH-8



CU-U12VKH-8



CU-U18VKH-8



CU-U24VKH-8

DÒNG MỘT CHIỀU: **INVERTER** TIÊU CHUẨN TÍCH HỢP KẾT NỐI WIFI



CS-WPU9WKH-8M | CS-WPU12WKH-8M | CS-WPU18WKH-8M



Điều khiển không dây



Điều khiển có dây (Tùy chọn)



Bộ điều hợp mạng (Tích hợp)



CS-WPU24WKH-8M



Điều khiển không dây



Điều khiển có dây (Tùy chọn)



Bộ điều hợp mạng (Tích hợp)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Làm lạnh () : Dàn nóng

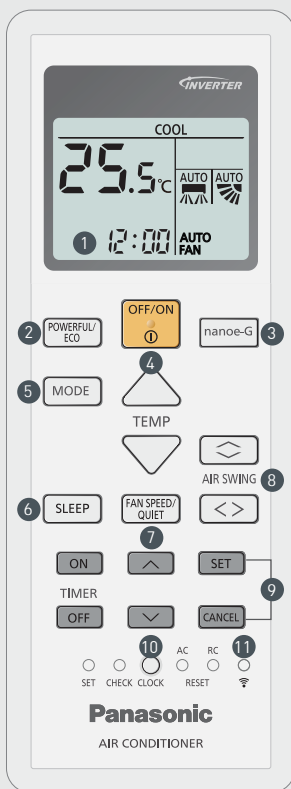
MODEL	(50Hz)	CS-WPU9WKH-8M [CU-WPU9WKH-8M]	CS-WPU12WKH-8M [CU-WPU12WKH-8M]	CS-WPU18WKH-8M [CU-WPU18WKH-8M]	CS-WPU24WKH-8M [CU-WPU24WKH-8M]	
Công suất làm lạnh	(nhỏ nhất - lớn nhất) kW	2.65 (0.84-2.90)	3.50 (1.02-4.00)	5.00 (1.10-5.40)	6.10 (1.12-7.10)	
	(nhỏ nhất - lớn nhất) Btu/h	9,040 (2,860-9,890)	11,900 (3,480-13,600)	17,100 (3,750-18,400)	20,800 (3,820-24,200)	
CSPF		4.70	4.96	4.80	5.80	
EER	(nhỏ nhất - lớn nhất) Btu/hW	11.30 (12.71-10.99)	11.12 (12.65-11.06)	10.30 (12.93-10.22)	11.69 (12.32-11.63)	
	(nhỏ nhất - lớn nhất) W/W	3.31 (3.73-3.22)	3.27 (3.71-3.25)	3.01 (3.79-3.00)	3.43 (3.61-3.41)	
Thông số điện	Điện áp V	220	220	220	220	
	Cường độ dòng điện A	3.9	5.0	7.7	8.3	
	Công suất điện (nhỏ nhất - lớn nhất) W	800 (225-900)	1,070 (275-1,230)	1,660 (290-1,800)	1,780 (310-2,080)	
Khử ẩm	L/h	1.6	2.0	2.8	3.4	
	Pt/h	3.4	4.2	5.9	7.2	
Lưu lượng gió	Dàn lạnh m ³ /phút (ft ³ /phút)	10.3 (365)	10.8 (380)	12.6 (445)	20.2 (715)	
	Dàn nóng m ³ /phút (ft ³ /phút)	26.7 (940)	30.2 (1,065)	39.3 (1,390)	36.0 (1,270)	
Độ ồn	Dàn lạnh (C/TB/T) dB(A)	36/26/21	38/28/21	44/34/28	45/36/31	
	Dàn nóng (C) dB(A)	47	48	51	51	
Kích thước	Cao	mm	290 (511)	290 (542)	290 (619)	302 (619)
		inch	11-7/16 (20-1/8)	11-7/16 (21-11/32)	11-7/16 (24-3/8)	11-29/32 (24-3/8)
	Rộng	mm	779 (650)	779 (780)	779 (824)	1,102 (824)
		inch	30-11/16 (25-19/32)	30-11/16 (30-23/32)	30-11/16 (32-15/32)	43-13/32 (32-15/32)
	Sâu	mm	209 (230)	209 (289)	209 (299)	244 (299)
		inch	8-1/4 (9-1/16)	8-1/4 (11-13/32)	8-1/4 (11-25/32)	9-5/8 (11-25/32)
Khối lượng	Dàn lạnh kg (lb)	8 (18)	8 (18)	9 (20)	12 (26)	
	Dàn nóng kg (lb)	19 (42)	24 (53)	30 (66)	34 (75)	
Đường kính ống dẫn	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 12.70	ø 15.88
	inch	3/8	3/8	1/2	5/8	
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn m	7.5	7.5	10.0	10.0	
	Chiều dài tối đa m	20	20	30	30	
	Chênh lệch độ cao tối đa m	15	15	20	20	
	Gas nạp bổ sung* g/m	10	10	15	25	
Nguồn cấp điện		Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	

* Khi chiều dài đường ống đồng không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị.

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA DỄ SỬ DỤNG

Điều khiển từ xa không dây của Panasonic được trang bị màn hình LCD tiện lợi, giúp người dùng có thể dễ dàng sử dụng và trải nghiệm tất cả tiện ích của máy điều hòa không khí Panasonic.

- Màn hình LCD hiển thị tình trạng hoạt động của máy.
- Chuyển đổi giữa chế độ POWERFUL và ECO tích hợp A.I.
Chế độ POWERFUL giúp làm lạnh nhanh đồng thời tiết kiệm năng lượng với chế độ ECO tích hợp A.I.
- Kích hoạt chức năng nanoe-G ngay cả khi điều hòa đã tắt.
- Bấm chọn lên hoặc xuống để điều chỉnh nhiệt độ.
- Chuyển đổi giữa chế độ AUTO, LÀM LẠNH và KHỬ ẨM.
- Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt và nhiệt độ phòng cho giấc ngủ sâu hơn.
- Điều chỉnh TỐC ĐỘ QUẠT hoặc CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG SIÊU ẪM cho giấc ngủ sâu hơn.
- Cài đặt hướng thổi gió.
- Chế độ hẹn giờ kép 24 tiếng.
- Cài đặt thời gian thực (giờ và phút).
- Ấn nút LAN không dây để kết nối mạng LAN.



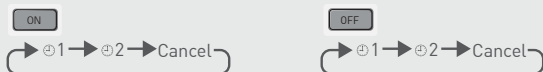
Điều khiển không dây
Áp dụng cho CS-WPU24WKH-8M

CHẾ ĐỘ HẸN GIỜ KÉP



CHẾ ĐỘ HẸN GIỜ KÉP CHO PHÉP ĐẶT LỊCH BẬT/TẮT 2 LẦN MỖI NGÀY
Để thuận tiện, chế độ hẹn giờ sẽ được lặp lại mỗi ngày cho đến khi được hủy lệnh.

- Chọn BẬT hoặc TẮT khi hẹn giờ.



- Đặt thời gian.

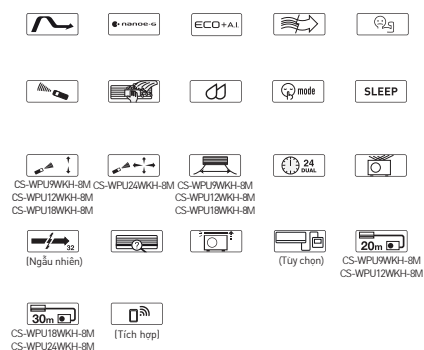


BIG FLAP

INVERTER

ECO+A.I.

MỘT CHIỀU LÀM LẠNH



DÀN NÓNG

Blue Fin Condenser

R32 REFRIGERANT



CU-WPU9WKH-8M



CU-WPU12WKH-8M



CU-WPU18WKH-8M
CU-WPU24WKH-8M

DÒNG MỘT CHIỀU: **INVERTER** TIÊU CHUẨN với nanoe™ X



CS-XPU9WKH-8 | CS-XPU12WKH-8 | CS-XPU18WKH-8



Điều khiển không dây



Điều khiển có dây (Tùy chọn)



Bộ điều hợp mạng (Tùy chọn)



CS-XPU18WKH-8B | CS-XPU24WKH-8



Điều khiển không dây



Điều khiển có dây (Tùy chọn)



Bộ điều hợp mạng (Tùy chọn)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Làm lạnh () : Dàn nóng

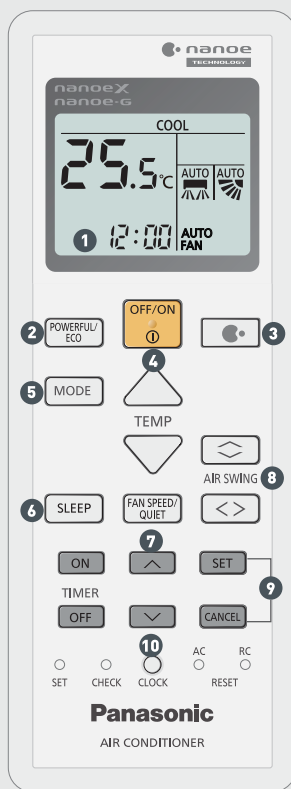
MODEL		(50Hz)	CS-XPU9WKH-8 [CU-XPU9WKH-8]	CS-XPU12WKH-8 [CU-XPU12WKH-8]	CS-XPU18WKH-8 [CU-XPU18WKH-8]	CS-XPU18WKH-8B [CU-XPU18WKH-8B]	CS-XPU24WKH-8 [CU-XPU24WKH-8]
Công suất làm lạnh	(nhỏ nhất - lớn nhất)	kW	2.65 (0.84-2.90)	3.50 (1.02-4.00)	5.00 (1.10-5.40)	5.15 (1.10-5.80)	6.10 (1.12-7.10)
	(nhỏ nhất - lớn nhất)	Btu/h	9,040 (2,860-9,890)	11,900 (3,480-13,600)	17,100 (3,750-18,400)	17,600 (3,750-19,800)	20,800 (3,820-24,200)
CSPF			4.70	4.97	4.80	5.63	5.81
EER	(nhỏ nhất - lớn nhất)	Btu/hW	11.30 (12.71-10.99)	11.12 (12.65-11.06)	10.30 (12.93-10.22)	11.35 (12.93-11.25)	11.69 (12.32-11.63)
	(nhỏ nhất - lớn nhất)	W/W	3.31 (3.73-3.22)	3.27 (3.71-3.25)	3.01 (3.79-3.00)	3.32 (3.79-3.30)	3.43 (3.61-3.41)
Thông số điện	Điện áp	V	220	220	220	220	220
	Cường độ dòng điện	A	3.9	5.0	7.7	7.1	8.3
	Công suất điện (nhỏ nhất - lớn nhất)	W	800 (225-900)	1,070 (275-1,230)	1,660 (290-1,800)	1,550 (290-1,760)	1,780 (310-2,080)
Khử ẩm		L/h	1.6	2.0	2.8	2.9	3.4
		Pt/h	3.4	4.2	5.9	6.1	7.2
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	m ³ /phút (ft ³ /phút)	10.3 (365)	10.8 (380)	12.6 (445)	19.6 (690)	20.2 (715)
	Dàn nóng	m ³ /phút (ft ³ /phút)	26.7 (940)	30.2 (1,065)	39.3 (1,390)	39.3 (1,390)	36.0 (1,270)
Độ ồn	Dàn lạnh (C/TB/T)	dB(A)	36/26/21	38/28/21	44/34/28	44/32/28	45/36/31
	Dàn nóng (C)	dB(A)	47	48	51	50	51
Kích thước	Cao	mm	290 (511)	290 (542)	290 (619)	302 (619)	302 (619)
		inch	11-7/16 [20-1/8]	11-7/16 [21-11/32]	11-7/16 [24-3/8]	11-29/32 [24-3/8]	11-29/32 [24-3/8]
	Rộng	mm	779 (650)	779 (780)	779 (824)	1,102 (824)	1,102 (824)
		inch	30-11/16 [25-19/32]	30-11/16 [30-23/32]	30-11/16 [32-15/32]	43-13/32 [32-15/32]	43-13/32 [32-15/32]
Sâu	mm	209 (230)	209 (289)	209 (299)	244 (299)	244 (299)	
	inch	8-1/4 [9-1/16]	8-1/4 [11-13/32]	8-1/4 [11-25/32]	9-5/8 [11-25/32]	9-5/8 [11-25/32]	
Khối lượng	Dàn lạnh	kg (lb)	8 (18)	8 (18)	9 (20)	12 (26)	12 (26)
	Dàn nóng	kg (lb)	19 (42)	24 (53)	30 (66)	31 (68)	34 (75)
Đường kính ống dẫn	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 12.70	ø 12.70	ø 15.88
		inch	3/8	3/8	1/2	1/2	5/8
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn	m	7.5	7.5	10.0	10.0	10.0
	Chiều dài tối đa	m	20	20	30	30	30
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	20	20	20
	Gas nạp bổ sung*	g/m	10	10	15	15	25
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh

* Khi chiều dài đường ống đồng không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị.

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA DỄ SỬ DỤNG

Điều khiển từ xa không dây của Panasonic được trang bị màn hình LCD tiện lợi, giúp người dùng có thể dễ dàng sử dụng và trải nghiệm tất cả tiện ích của máy điều hòa không khí Panasonic.

- Màn hình LCD hiển thị tình trạng hoạt động của máy.
- Chuyển đổi giữa chế độ POWERFUL và ECO tích hợp A.I.
Chế độ POWERFUL giúp làm lạnh nhanh đồng thời tiết kiệm năng lượng với chế độ ECO tích hợp A.I.
- Bật chức năng công nghệ nanoe™ để kích hoạt nanoe™ X và nanoe-G giúp khử mùi và lọc sạch không khí ngay cả khi điều hòa đã tắt.
- Bấm chọn lên hoặc xuống để điều chỉnh nhiệt độ.
- Chuyển đổi giữa chế độ AUTO, LÀM LẠNH và KHỬ ẨM.
- Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt và nhiệt độ phòng cho giấc ngủ sâu hơn.
- Điều chỉnh TỐC ĐỘ QUẠT hoặc CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG SIÊU ỒM cho giấc ngủ sâu hơn.
- Cài đặt hướng thổi gió.
- Chế độ hẹn giờ kép 24 tiếng.
- Cài đặt thời gian thực (giờ và phút).



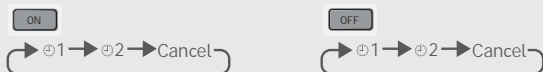
Điều khiển không dây
Áp dụng cho CS-XPU18WKH-8B,
CS-XPU24WKH-8

CHẾ ĐỘ HẸN GIỜ KÉP



CHẾ ĐỘ HẸN GIỜ KÉP CHO PHÉP ĐẶT LỊCH BẬT/TẮT 2 LẦN MỖI NGÀY
Để thuận tiện, chế độ hẹn giờ sẽ được lặp lại mỗi ngày cho đến khi được hủy lệnh.

- Chọn BẬT hoặc TẮT khi hẹn giờ.



- Đặt thời gian.

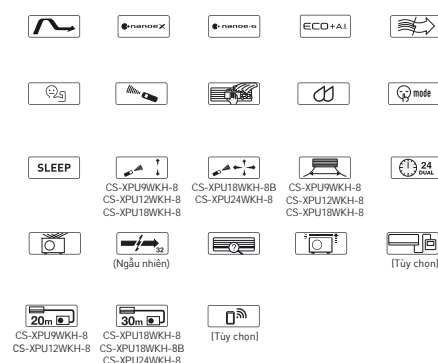


BIG FLAP

INVERTER

ECO+AI.

MỘT CHIỀU LÀM LẠNH



DÀN NÓNG



CU-XPU9WKH-8



CU-XPU12WKH-8



CU-XPU18WKH-8
CU-XPU18WKH-8B
CU-XPU24WKH-8

DÒNG MỘT CHIỀU: TIÊU CHUẨN



CS-N9WKH-8 | CS-N12WKH-8



Điều khiển
không dây



CS-N18VKH-8 | CS-N24VKH-8



Điều khiển
không dây

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

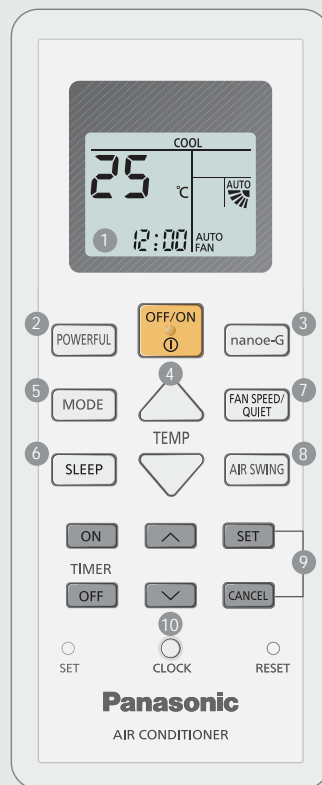
MODEL	(50Hz)	CS-N9WKH-8 [CU-N9WKH-8]	CS-N12WKH-8 [CU-N12WKH-8]	CS-N18VKH-8 [CU-N18VKH-8]	CS-N24VKH-8 [CU-N24VKH-8]	
Công suất làm lạnh	(nhỏ nhất - lớn nhất) kW	2.65	3.52	5.28	6.60	
	(nhỏ nhất - lớn nhất) Btu/h	9,040	12,000	18,000	22,500	
CSPF		3.44	3.48	3.45	3.29	
EER	(nhỏ nhất - lớn nhất) Btu/hW	11.89	12.00	11.25	10.82	
	(nhỏ nhất - lớn nhất) W/W	3.49	3.52	3.30	3.17	
Thông số điện	Điện áp V	220	220	220	220	
	Cường độ dòng điện A	3.6	4.8	7.4	9.6	
	Công suất điện (nhỏ nhất - lớn nhất) W	760	1,000	1,600	2,080	
Khử ẩm	L/h	1.6	2.0	2.9	3.7	
	Pt/h	3.4	4.2	6.1	7.8	
Lưu lượng gió	Dàn lạnh m ³ /phút (ft ³ /phút)	10.5 (371)	12.0 (424)	19.4 (685)	22.1 (780)	
	Dàn nóng m ³ /phút (ft ³ /phút)	27.6 (970)	29.0 (1,020)	39.3 (1,390)	39.0 (1,380)	
Độ ồn	Dàn lạnh (C/TB/T) dB(A)	37/26	41/29	44/36	48/40	
	Dàn nóng (C) dB(A)	47	49	52	54	
Kích thước	Cao	mm	290 (511)	290 (542)	302 (619)	302 (619)
		inch	11-7/16 (20-1/8)	11-7/16 (21-11/32)	11-29/32 (24-3/8)	11-29/32 (24-3/8)
	Rộng	mm	779 (650)	779 (780)	1,102 (824)	1,102 (824)
		inch	30-11/16 (25-19/32)	30-11/16 (30-23/32)	43-13/32 (32-15/32)	43-13/32 (32-15/32)
Sâu	mm	209 (230)	209 (289)	244 (299)	244 (299)	
	inch	8-1/4 (9-1/16)	8-1/4 (11-13/32)	9-5/8 (11-25/32)	9-5/8 (11-25/32)	
Khối lượng	Dàn lạnh kg (lb)	8 (18)	8 (18)	12 (26)	12 (26)	
	Dàn nóng kg (lb)	22 (49)	27 (60)	36 (79)	41 (90)	
Đường kính ống dẫn	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 12.70	ø 12.70	ø 15.88
		inch	3/8	1/2	1/2	5/8
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn m	7.5	7.5	7.5	7.5	
	Chiều dài tối đa m	20	20	30	30	
	Chênh lệch độ cao tối đa m	15	15	20	20	
	Gas nạp bổ sung* g/m	10	10	15	25	
Nguồn cấp điện		Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	

* Khi chiều dài đường ống đồng không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị.

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA DỄ DÀNG SỬ DỤNG

Điều khiển từ xa không dây của Panasonic được trang bị màn hình LCD tiện lợi, giúp người dùng có thể dễ dàng sử dụng và trải nghiệm tất cả tiện ích của máy điều hòa không khí Panasonic.

- 1 Màn hình LCD hiển thị tình trạng hoạt động của máy
- 2 Bấm nút POWERFUL để làm lạnh nhanh hơn
- 3 Kích hoạt chức năng nanoe-G ngay cả khi máy điều hòa tắt
- 4 Bấm chọn lên hoặc xuống để điều chỉnh nhiệt độ
- 5 Chuyển đổi giữa chế độ AUTO, LÀM LẠNH và KHỬ ẨM.
- 6 Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt và nhiệt độ phòng cho giấc ngủ sâu hơn
- 7 Điều chỉnh TỐC ĐỘ QUẠT hoặc CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG SIÊU ẪM cho giấc ngủ sâu hơn
- 8 Cài đặt hướng thổi gió
- 9 Chế độ hẹn giờ kép 24 tiếng
- 10 Cài đặt thời gian thực (giờ và phút)

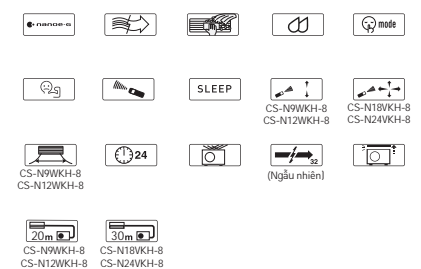


Điều khiển không dây
Áp dụng cho CS-N9/12WKH-8



BIG FLAP

MỘT CHIỀU LÀM LẠNH



DÀN NÓNG



CU-N9WKH-8



CU-N12WKH-8



CU-N18VKH-8
CU-N24VKH-8

DÒNG HAI CHIỀU: **INVERTER** CAO CẤP



CS-Z9VKH-8 | CS-Z12VKH-8



Điều khiển không dây



Điều khiển có dây (Tùy chọn)



Bộ điều hợp mạng (Tùy chọn)



CS-Z18VKH-8 | CS-Z24VKH-8



Điều khiển không dây



Điều khiển có dây (Tùy chọn)



Bộ điều hợp mạng (Tùy chọn)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

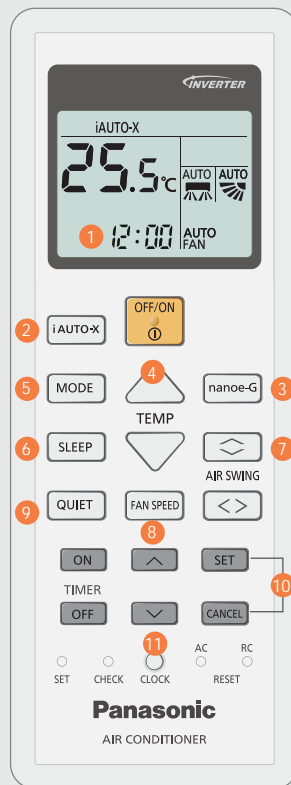
MODEL		(50Hz)	CS-Z9VKH-8 [CU-Z9VKH-8]	CS-Z12VKH-8 [CU-Z12VKH-8]	CS-Z18VKH-8 [CU-Z18VKH-8]	CS-Z24VKH-8 [CU-Z24VKH-8]
Công suất lạnh / Sưởi	(nhỏ nhất - lớn nhất)	kW	2.50 (0.84-3.70)	3.50 (0.92-4.20)	5.00 (1.10-6.70)	6.95 (1.40-8.50)
			3.20 (0.84-5.30)	3.70 (0.92-5.80)	6.00 (1.10-8.00)	8.00 (1.40-10.00)
	(nhỏ nhất - lớn nhất)	Btu/h	8,530 (2,860-12,600)	11,900 (3,140-14,300)	17,100 (3,750-22,800)	23,700 (4,770-29,000)
			10,900 (2,860-18,100)	12,600 (3,140-19,800)	20,500 (3,750-27,300)	27,300 (4,770-34,100)
CSPF			7.16	6.95	6.81	5.27
EER / COP	(nhỏ nhất - lớn nhất)	Btu/hW	17.41 (13.30-12.60)	14.69 (13.96-11.92)	15.13 (13.39-11.40)	10.92 (11.09-10.00)
			16.77 (13.00-12.48)	16.36 (12.56-12.77)	15.41 (17.05-11.62)	11.67 (11.93-10.33)
	(nhỏ nhất - lớn nhất)	W/W	5.10 (3.91-3.70)	4.32 (4.09-3.50)	4.42 (3.93-3.35)	3.20 (3.26-2.93)
			4.92 (3.82-3.66)	4.81 (3.68-3.74)	4.51 (5.00-3.40)	3.42 (3.50-3.03)
Thông số điện	Điện áp	V	220	220	220	220
	Cường độ dòng điện	A	2.4	4.0	5.4	10.1
			3.1	3.8	6.5	11.0
Cường suất điện (nhỏ nhất - lớn nhất)		W	490 (215-1,000)	810 (225-1,200)	1,130 (280-2,000)	2,170 (430-2,900)
			650 (220-1,450)	770 (250-1,550)	1,330 (220-2,350)	2,340 (400-3,300)
Khử ẩm		L/h	1.5	2.0	2.8	4.0
		Pt/h	3.2	4.2	5.9	8.5
Lưu lượng gió (dàn lạnh/Cao)		m ³ /phút	10.6	12.0	19.6	19.8
			10.6	12.0	19.6	21.5
		ft ³ /phút	375	425	690	700
			375	425	690	760
Độ ồn	Dàn lạnh (C / TB / T)	dB(A)	40/25/22	42/28/25	45/35/28	47/37/34
			40/28/25	42/33/30	45/33/28	47/37/34
	Dàn nóng (C)	dB(A)	47	48	48	53
			48	50	50	53
	Kích thước	Cao	mm	295 (542)	295 (542)	302 (695)
inch			11-5/8 (21-11/32)	11-5/8 (21-11/32)	11-29/32 (27-3/8)	11-29/32 (27-3/8)
Rộng		mm	919 (780)	919 (780)	1,120 (875)	1,120 (875)
		inch	36-3/16 (30-23/32)	36-3/16 (30-23/32)	44-1/8 (34-15/32)	44-1/8 (34-15/32)
Sâu	mm	199 (289)	199 (289)	241 (320)	241 (320)	
	inch	7-27/32 (11-13/32)	7-27/32 (11-13/32)	9-1/2 (12-5/8)	9-1/2 (12-5/8)	
Khối lượng	Dàn lạnh	kg (lb)	10 (22)	10 (22)	12 (26)	13 (29)
	Dàn nóng	kg (lb)	32 (71)	32 (71)	42 (93)	49 (108)
Đường kính ống dẫn	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4	1/4
	Ống ga	mm	ø 9.52	ø 12.70	ø 12.70	ø 15.88
		inch	3/8	1/2	1/2	5/8
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn	m	7.5	7.5	7.5	10.0
	Chiều dài tối đa	m	20	20	20	30
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	15	20
	Gas nạp bổ sung*	g/m	10	10	15	25
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh

* Khi chiều dài đường ống đồng không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị.

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA DỄ DÀNG SỬ DỤNG

Bộ điều khiển từ xa không dây của Panasonic được trang bị màn hình LCD thân thiện, giúp người dùng có thể dễ dàng sử dụng các tiện ích với điều hòa không khí Panasonic.

- 1 Màn hình LCD hiển thị tình trạng hoạt động của máy
- 2 iAUTO-X giúp làm lạnh nhanh, sau đó chuyển sang chế độ LÀM LẠNH TẢN NHIỆT, tránh gió lạnh thổi trực tiếp vào người sử dụng
- 3 Kích hoạt chức năng nanoe-G ngay cả khi điều hòa đã tắt
- 4 Bấm chọn lên hoặc xuống để điều chỉnh nhiệt độ
- 5 Chuyển đổi giữa chế độ iAUTO-X, LÀM LẠNH, SƯỞI ẤM và KHỬ ẨM
- 6 Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt và nhiệt độ phòng cho giấc ngủ sâu hơn
- 7 Cài đặt hướng thổi gió
- 8 Điều chỉnh tốc độ quạt
- 9 Chức năng hoạt động siêu êm
- 10 Chế độ hẹn giờ kép 24 tiếng
- 11 Cài đặt thời gian thực (giờ và phút)



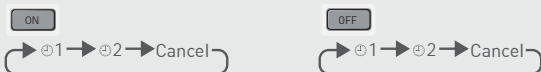
Điều khiển không dây
Áp dụng cho
DÒNG HAI CHIỀU SƯỞI ẤM INVERTER CAO CẤP

CHẾ ĐỘ HẸN GIỜ KÉP



CHẾ ĐỘ HẸN GIỜ KÉP CHO PHÉP ĐẶT LỊCH BẬT/TẮT 2 LẦN MỖI NGÀY
Để thuận tiện, chế độ hẹn giờ sẽ được lặp lại mỗi ngày cho đến khi được hủy lệnh.

- 1 Chọn BẬT hoặc TẮT khi hẹn giờ.



- 2 Đặt thời gian.

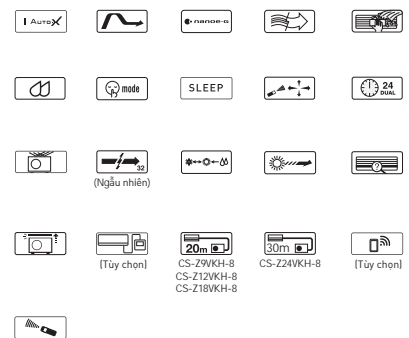


AEROWINGS

P-TECH

INVERTER

HAI CHIỀU SƯỞI ẤM



DÀN NÓNG

Blue Fin
Condenser

R32
REFRIGERANT



CU-Z9VKH-8
CU-Z12VKH-8



CU-Z18VKH-8
CU-Z24VKH-8

DÒNG HAI CHIỀU: **INVERTER** TIÊU CHUẨN



CS-YZ9WKH-8 | CS-YZ12WKH-8



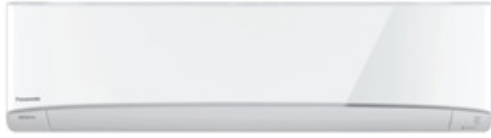
Điều khiển không dây



Điều khiển có dây
(Tùy chọn)



Bộ điều hợp mạng
(Tùy chọn)



CS-YZ18UKH-8



Điều khiển không dây



Điều khiển có dây
(Tùy chọn)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

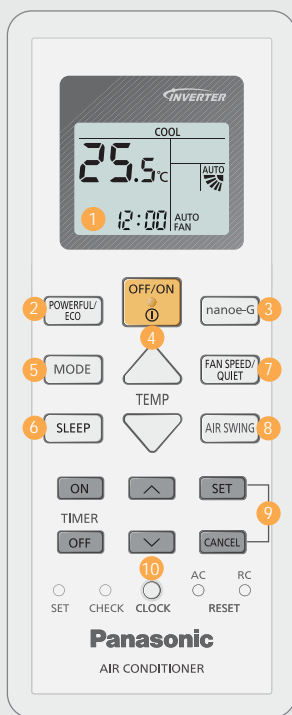
MODEL		(50Hz)	CS-YZ9WKH-8 [CU-YZ9WKH-8]	CS-YZ12WKH-8 [CU-YZ12WKH-8]	CS-YZ18UKH-8 [CU-YZ18UKH-8]
Công suất lạnh / Sưởi	(nhỏ nhất - lớn nhất)	kW	2.65 [0.84-3.00]	3.50 [0.92-3.80]	5.20 [0.98-5.60]
			3.15 [0.84-3.50]	3.84 [0.92-4.10]	5.40 [0.98-7.70]
	(nhỏ nhất - lớn nhất)	Btu/h	9,540 [3,020-10,800]	11,900 [3,140-13,000]	17,700 [3,340-19,100]
			10,700 [2,860-11,900]	13,100 [3,140-14,000]	18,400 [3,340-26,300]
CSPF			6.43	5.17	6.46
EER / COP	(nhỏ nhất - lớn nhất)	Btu/hW	12.91 [13.00-10.20]	11.02 [11.21-10.40]	10.93 [11.72-10.91]
			14.08 [14.30-12.02]	12.24 [12.56-11.57]	12.52 [9.54-11.43]
	(nhỏ nhất - lớn nhất)	W/W	3.79 [3.82-3.00]	3.24 [3.29-3.04]	3.21 [3.44-3.20]
			4.14 [4.20-3.54]	3.59 [3.68-3.39]	3.67 [2.80-3.35]
Thông số điện	Điện áp	V	220	220	220
	Cường độ dòng điện	A	3.4	5.0	7.6
			3.5	5.0	7.0
	Công suất điện (nhỏ nhất - lớn nhất)	W	700 [220-1,000]	1,080 [280-1,250]	1,620 [285-1,750]
			760 [200-990]	1,070 [275-1,210]	1,470 [350-2,300]
Khử ẩm		L/h	1.6	2.0	2.9
		Pt/h	3.4	4.2	6.1
Lưu lượng gió (dàn lạnh/Cao)		m ³ /phút	11.0	11.9	19.8
			11.0	11.9	19.4
		ft ³ /phút	390	420	700
			390	420	685
Độ ồn	Dàn lạnh [C / TB / T]	dB(A)	41/26/22	42/30/25	45/37/34
			41/28/25	42/33/30	44/37/34
	Dàn nóng [C]	dB(A)	50	50	50
			50	50	
Kích thước	Cao	mm	290 [542]	290 [542]	302 [619]
		inch	11-7/16 [21-11/32]	11-7/16 [21-11/32]	11-29/32 [24-3/8]
	Rộng	mm	779 [780]	779 [780]	1,102 [824]
		inch	30-11/16 [30-23/32]	30-11/16 [30-23/32]	43-13/32 [32-15/32]
	Sâu	mm	209 [289]	209 [289]	244 [299]
		inch	8-1/4 [11-13/32]	8-1/4 [11-13/32]	9-5/8 [11-25/32]
Khối lượng	Dàn lạnh	kg [lb]	8 [18]	8 [18]	12 [26]
	Dàn nóng	kg [lb]	25 [55]	25 [55]	38 [84]
Đường kính ống dẫn	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4
	Ống ga	mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 12.70
	inch	3/8	3/8	1/2	
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn	m	7.5	7.5	7.5
	Chiều dài tối đa	m	15	15	15
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	15
	Gas nạp bổ sung*	g/m	10	10	15
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh

* Khi chiều dài đường ống đồng không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị.

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA DỄ DÀNG SỬ DỤNG

Bộ điều khiển từ xa không dây của Panasonic được trang bị màn hình LCD thân thiện, giúp người dùng có thể dễ dàng sử dụng các tiện ích với điều hòa không khí Panasonic.

- Màn hình LCD hiển thị tình trạng hoạt động của máy.
- Chuyển đổi giữa chế độ POWERFUL và ECO tích hợp A.I.
Chế độ POWERFUL giúp làm lạnh nhanh đồng thời tiết kiệm năng lượng với chế độ ECO tích hợp A.I.
- Kích hoạt chức năng nanoe-G ngay cả khi điều hòa đã tắt.
- Bấm chọn lên hoặc xuống để điều chỉnh nhiệt độ.
- Chuyển đổi giữa chế độ LÀM LẠNH, SƯỞI ẤM và KHỬ ẨM.
- Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt và nhiệt độ phòng cho giấc ngủ sâu hơn.
- Điều chỉnh TỐC ĐỘ QUẠT hoặc CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG SIÊU ẪM cho giấc ngủ sâu hơn
- Điều chỉnh hướng gió.
- Chế độ hẹn giờ kép 24 tiếng.
- Cài đặt thời gian thực (giờ và phút)



Điều khiển không dây
Áp dụng cho dòng CS-YZ9/12WKH-8



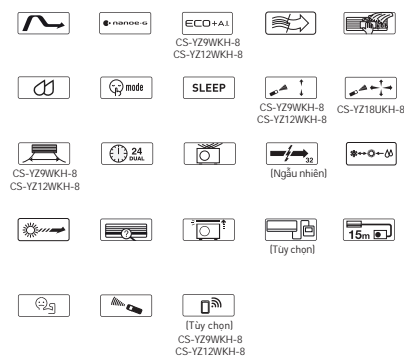
BIG FLAP

INVERTER

ECO+AI.

(CS-YZ9/12WKH-8)

HAI CHIỀU SƯỞI ẤM



DÀN NÓNG

Blue Fin
Condenser

R32
REFRIGERANT



CU-YZ9WKH-8
CU-YZ12WKH-8



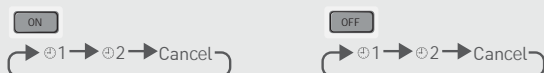
CU-YZ18UKH-8

CHẾ ĐỘ HẸN GIỜ KÉP



CHẾ ĐỘ HẸN GIỜ KÉP CHO PHÉP ĐẶT LỊCH BẬT/TẮT 2 LẦN MỖI NGÀY
Để thuận tiện, chế độ hẹn giờ sẽ được lặp lại mỗi ngày cho đến khi được hủy lệnh.

- Chọn Bật hoặc Tắt khi hẹn giờ.



- Đặt thời gian.



Sự phát triển của công nghệ nanoe™

Công nghệ nanoe™ ban đầu được phát triển với mục đích sử dụng đặc tính tự nhiên của nước để hòa tan các chất gây mùi. Qua các cải tiến không ngừng trong những năm qua, hiện nay công nghệ nanoe™ có khả năng tạo ra gốc OH nhiều gấp 10 lần giúp nâng cao hiệu quả lọc sạch không khí.

So sánh nanoe™ X, nanoe™ và nanoe-G

	nanoe™ X	nanoe™	nanoe-G
Các thành phần chính & kích thước (Số đo khái niệm)	<p>Hạt nước Gốc OH (Thành phần phản ứng cao) Xấp xỉ 5 - 20nm (Ion nước)</p>	<p>Hạt nước Gốc OH (Thành phần phản ứng cao) Xấp xỉ 5 - 20nm (Ion nước)</p>	<p>Phân tử oxy Ion âm Xấp xỉ 1 - 2nm (Ion khí)</p>
Thiết bị phát	<p>Điện cực đối Phân tử tích điện Vùng tạo gốc OH: Lớn</p>	<p>Điện cực đối Phân tử tích điện Vùng tạo gốc OH: Nhỏ</p>	<p>Điện cực đối Phân tử tích điện Vùng tạo ion</p>
Khử mùi	●	○	▲
Ức chế sự phát triển của vi khuẩn & vi rút	●	○	▲ (Thu các hạt bụi về lưới lọc)
Loại bỏ bụi (PM2.5)	×	×	●
Loại phóng điện	Phóng điện đa cực (Multi-leader)	Phóng điện đa cực (Cực bộ Corona)	Phóng điện plasma
Kích thước	5 - 20 nm	5 - 20 nm	1 - 2 nm
Gốc OH	4.800 tỷ gốc OH/giây	480 tỷ gốc OH/giây	3.000 tỷ ion âm/giây
Nguyên lý hoạt động	<p>Độ ẩm trong không khí ngưng tụ và tập trung tại một điểm, nanoe™ X được tạo ra bằng cách sử dụng điện áp cao (thông qua hệ thống phóng điện đa cực multi-leader). nanoe™ X chứa gốc OH nhiều hơn 10 lần so với nanoe™</p>	<p>Độ ẩm trong không khí ngưng tụ, tập trung và phát tán xung quanh đầu phát, và nanoe™ được tạo ra bằng cách sử dụng điện áp cao.</p>	<p>Gió ion tự nhiên phát tán các ion âm nanoe-G được giải phóng từ bộ phát nanoe-G.</p>

● : Hiệu quả cao ○ : Hiệu quả ▲ : Bình thường × : Không hiệu quả

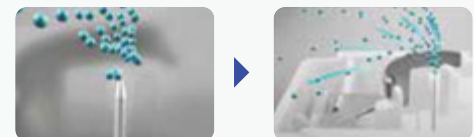
Kết quả có thể khác tùy theo cách sử dụng, và thay đổi theo mùa và môi trường (nhiệt độ và độ ẩm). nanoe™ X và nanoe™ có khả năng ức chế hoạt động hoặc tăng trưởng của vi rút, nhưng không đảm bảo ngăn ngừa nhiễm trùng. Hiệu quả khử mùi tùy thuộc vào điều kiện môi trường (nhiệt độ và độ ẩm), thời gian vận hành, mùi, và loại vải. Các chất độc hại trong thuốc lá (carbon monoxide, v.v.) không thể được loại bỏ. Mùi thường xuyên được tạo ra (ví dụ: mùi vật liệu xây dựng và mùi vật nuôi) không thể được loại bỏ hoàn toàn.

nanoe™ X được tạo ra như thế nào



- 1 Hơi nước ngưng tụ trên đỉnh bộ phát.
- 2 Điện áp cao dẫn qua hơi nước ngưng tụ trong không khí.
- 3 nanoe™ X được tạo ra.

nanoe-G được tạo ra như thế nào



- 1 Bộ phát nanoe-G giải phóng 3.000 tỷ ion âm nanoe-G.
- 2 Các hạt ion âm nanoe-G được lan tỏa khắp phòng và đến lưới lọc theo luồng gió thổi.



Khử các loại mùi hôi thường gặp

nanoe™X khử mùi hiệu quả với các tác nhân gây mùi như khói thuốc lá và rác thải.



Tác động lên các chất gây mùi và khử mùi

Các hạt nanoe™X có kích thước nhỏ hơn rất nhiều so với hơi nước, dễ dàng xâm nhập sâu vào từng sợi vải và ức chế hoạt động của vi khuẩn và phân tử gây mùi một cách hiệu quả và nhanh chóng.

3 bước khử mùi



nanoe™X tiếp cận phân tử gây mùi trên sợi vải.

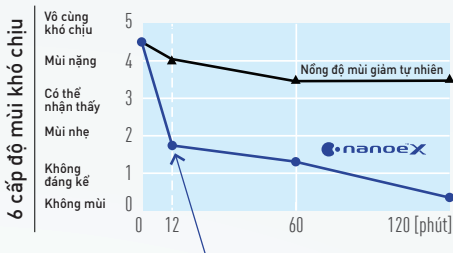


Các gốc OH phá vỡ liên kết trong các phân tử gây mùi.



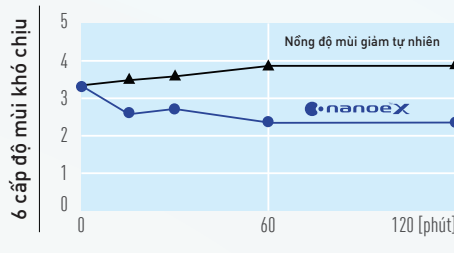
Khử mùi.

Mùi thuốc lá



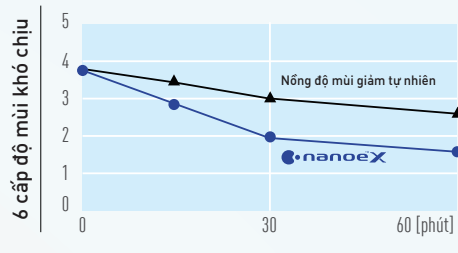
nanoe™X giảm nồng độ mùi xuống 2.4 cấp sau 12 phút.

Mùi vật nuôi



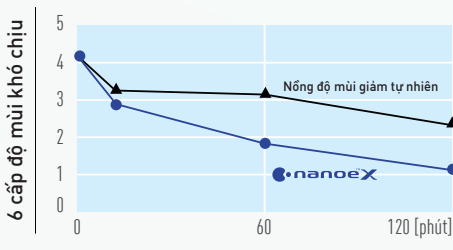
nanoe™X giảm nồng độ mùi vật nuôi xuống 1.5 cấp sau 1 giờ.

Mùi sủi riêng



nanoe™X giảm nồng độ mùi nhanh hơn nhiều so với giảm mùi tự nhiên.

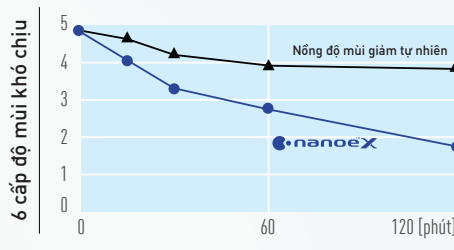
Mùi thức ăn nướng



nanoe™X giảm mùi thức ăn nướng nhanh hơn so với giảm mùi tự nhiên.

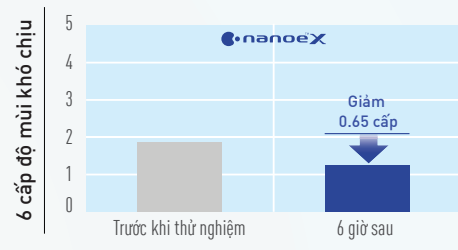
Mùi mồ hôi

Axit nonanoic



nanoe™X giảm mùi mồ hôi nhanh sau 1 giờ.

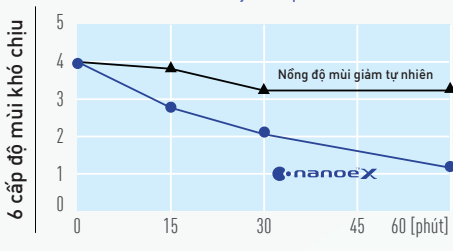
Mùi da đầu



nanoe™X giảm mùi da đầu nhanh sau 6 giờ.

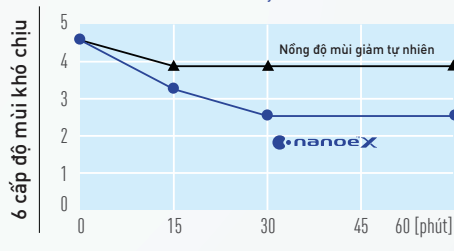
Mùi rác thải

Methylmercaptan



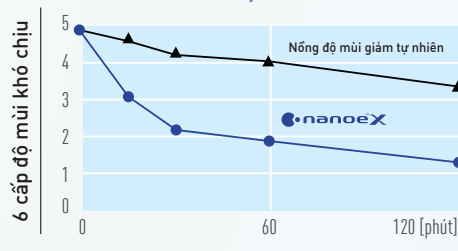
nanoe™X giảm nồng độ mùi rác thải nhanh trong 0,5 giờ.

Trimethylamine



Mùi ẩm mốc

Trimethylamine



nanoe™X giảm nồng độ mùi ẩm mốc xuống đáng kể trong 1 giờ.

** : Đơn vị dựa trên tiêu chuẩn Panasonic

Mùi	Kết quả TM	Thể tích phòng	Thời gian (giờ)	Đơn vị thử nghiệm	Số báo cáo
Mùi thuốc lá	Nồng độ mùi giảm 2.4 cấp	Khoảng 23m ³	0.2	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160615-N04
Mùi vật nuôi	Nồng độ mùi giảm 1.5 cấp	Khoảng 23m ³	1	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160315-A34
Mùi sấu riêng	Nồng độ mùi giảm 1.0 cấp	Khoảng 23m ³	0.5	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	1V332-180402-K01
Mùi thức ăn nướng	Nồng độ mùi giảm 1.2 cấp	Khoảng 23m ³	2	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-151221-N01
Mùi mỡ hôi (Axít nonanoic)	Nồng độ mùi giảm 1.1 cấp	Khoảng 23m ³	1	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y16HM016
Mùi mỡ hôi (Hexanoic acid)	Nồng độ mùi giảm 2.6 cấp	Khoảng 23m ³	1	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160315-A35
Mùi bám dính Mùi da đầu (Vỏ gối)	Nồng độ mùi giảm 0.65 cấp	Khoảng 23m ³	6	[Giám sát] Trung tâm nghiên cứu mùi hương, Phòng thông tin tổng hợp Khoa thông tin Đại học Daido	
Mùi rác thải (Methylmercaptan)	Nồng độ mùi giảm 1.2 cấp	Khoảng 23m ³	0.5	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	1V332-18220-K11
Mùi rác thải (Trimethylamine)	Nồng độ mùi giảm 1.4 cấp	Khoảng 23m ³	0.5	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	1V332-180220-K12
Mùi ẩm mốc (Triethylamine)	Nồng độ mùi giảm 1.7 cấp	Khoảng 23m ³	0.5	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y16RA002

Kết quả có thể khác tùy theo cách sử dụng, và thay đổi theo mùa và môi trường (nhiệt độ và độ ẩm). nanoe™ X và nanoe™ có khả năng ức chế hoạt động hoặc tăng trưởng của vi rút, nhưng không đảm bảo ngăn ngừa nhiễm trùng. Hiệu quả khử mùi thay đổi tùy theo môi trường xung quanh (nhiệt độ và độ ẩm), thời gian hoạt động, mùi, và loại vải.



Ức chế hoạt động của vi khuẩn và vi rút

nanoe™ X có khả năng ức chế hoạt động của vi khuẩn và vi rút bám dính trên đồ vật và trong không khí.

3 bước vô hiệu hóa vi khuẩn & vi rút



nanoe™ X tiếp cận vi rút.

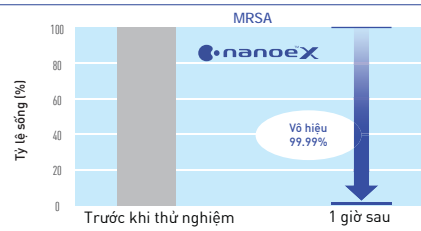
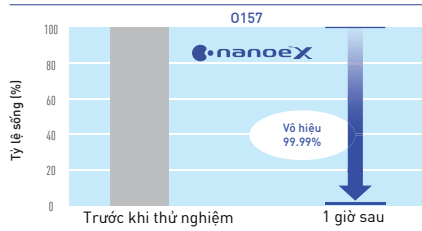


Các gốc OH chuyển hóa protein trong vi rút.

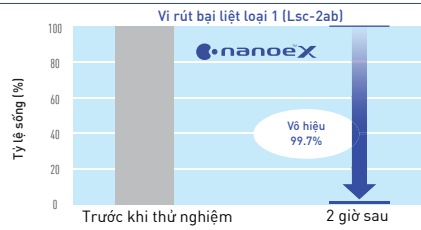
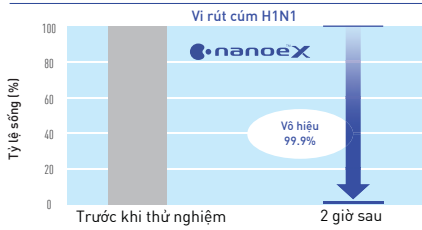


Vô hiệu hóa hoạt động của vi rút.

Vi khuẩn bám dính



Vi rút bám dính



** : Đơn vị dựa trên tiêu chuẩn Panasonic

	Vi khuẩn & vi rút	Kết quả*	Thể tích phòng	Thời gian (giờ)	Đơn vị thử nghiệm	Số báo cáo
Vi khuẩn trong không khí	Virus Bacteriophage ΦX174	Vô hiệu 99.7%	Khoảng 25m ³	6	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato	24_0300_1
	Bacteria Staphylococcus aureus	Vô hiệu 99.9%	Khoảng 25m ³	4	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato	2016_0279
Mùi bám dính	Virus Bacteriophage ΦX174	Vô hiệu 99.8%	Khoảng 25m ³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	13001265005-01
	Bacteria Staphylococcus aureus	Vô hiệu 99.1%	Khoảng 25m ³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	13044083003-01
Vi rút bám dính	Influenza virus (H1N1 subtype)	Vô hiệu 99.9%	1m ³	2	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato	21_0084_1
	Feline calicivirus (Related form of norovirus)	Vô hiệu 99.9%	25L	2	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	207031493-001
	Coxsackievirus (B6)	Vô hiệu 99.1%	45L	2	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato	22_0085
	Poliovirus type 1 (Lsc-2ab)	Vô hiệu 99.7%	45L	2	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato	22_0096
Vi khuẩn bám dính	Bacterium enterohemorrhagic escherichia coli (O157)	Vô hiệu 99.99%	45L	1	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	208120880-001
	Methicillin-resistant staphylococcus aureus (MRSA)	Vô hiệu 99.99%	45L	1	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	208120880-002
	Staphylococcus aureus	Vô hiệu 99.99%	1m ³	24	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasato	20_0154_2
	Bacillus	Vô hiệu 99.6%	45L	0.5	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11000924001-01
	Micrococcus	Vô hiệu 99.9%	45L	2	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11000924001-02
	Serratia	Vô hiệu 99.9%	45L	2	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11000924001-03
	Kocuria	Vô hiệu 99.9%	45L	1	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11000922001-01

Kết quả có thể khác tùy theo cách sử dụng, và thay đổi theo mùa và môi trường (nhiệt độ và độ ẩm). nanoe™ X và nanoe™ có khả năng ức chế hoạt động hoặc tăng trưởng của vi rút, nhưng không đảm bảo ngăn ngừa nhiễm trùng. Hiệu quả khử mùi thay đổi tùy theo môi trường xung quanh (nhiệt độ và độ ẩm), thời gian hoạt động, mùi, và loại vải.

Ức chế hoạt động của nấm mốc bám dính và có trong không khí

nanoe™ X loại bỏ các loại nấm mốc trong không khí cũng như kìm hãm sự phát triển của nấm mốc bám dính.

3 bước vô hiệu hóa sự phát triển của nấm mốc



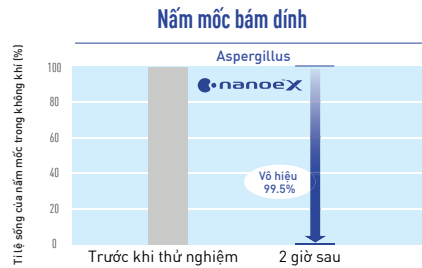
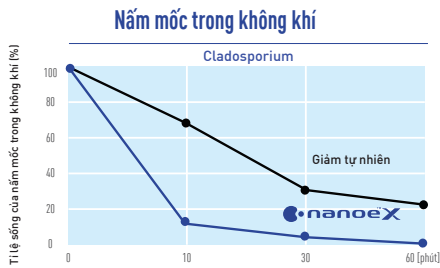
nanoe™ tiếp cận nấm mốc.



Các gốc OH phá hủy protein trong nấm mốc.



Vô hiệu hóa hoạt động của nấm mốc.



** : Đơn vị dựa trên tiêu chuẩn Panasonic

	Nấm mốc	Kết quả**	Thể tích phòng	Thời gian (giờ)	Đơn vị thử nghiệm	Số báo cáo
Vị khuẩn trong không khí	Cladosporium	Vô hiệu 99%	Khoảng 23m ³	1	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	205061541-001
	Aspergillus	Vô hiệu 99.5%	Khoảng 23m ³	1	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	205061541-002
Mùi bám dính	Alternaria	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	18077411001-0201
	Aspergillus	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	17145307001-0801
	Cladosporium	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	17145307001-0901
	Eurotium	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	17145307001-1001
	Fusarium	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	17145307001-1101
	Mucor	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	17145307001-1201
	Penicillium	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	17145307001-1301
	Stachybotrys	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	17145307001-1401
	Aspergillus	Vô hiệu 99.5%	45L	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11038081001-02
	Penicillium	Vô hiệu 99.5%	45L	4	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11028760001-01
	Fusarium	Vô hiệu 99.9%	45L	4	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11018692001-02
	Eurotium	Vô hiệu 99.9%	45L	8	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasate	22_0455
	Mucor	Vô hiệu 99.9%	45L	8	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11038080001-01
	Stachybotrys	Vô hiệu 99.9%	45L	8	Trung tâm nghiên cứu khoa học môi trường Kitasate	22_0455
	Alternaria	Vô hiệu 99.9%	45L	16	Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản	11038082001-01

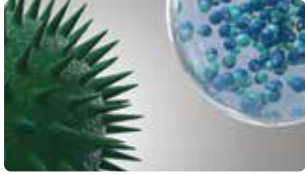
Kết quả có thể khác tùy theo cách sử dụng, và thay đổi theo mùa và môi trường (nhiệt độ và độ ẩm). nanoe™ X và nanoe™ có khả năng ức chế hoạt động hoặc tăng trưởng của vi rút, nhưng không đảm bảo ngăn ngừa nhiễm trùng. Hiệu quả khử mùi tùy thuộc vào điều kiện môi trường (nhiệt độ và độ ẩm), thời gian vận hành, mùi, và loại vải.



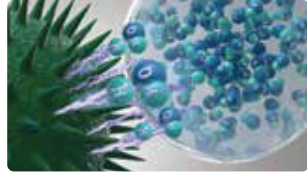
Vô hiệu hóa các chất gây dị ứng từ vật nuôi và một số chất gây dị ứng khác.

Ngoài các chất gây dị ứng từ chó, mèo, ấu trùng và bào tử nấm trong không khí, nanoe[™] có khả năng vô hiệu các chất gây dị ứng phổ biến khác.

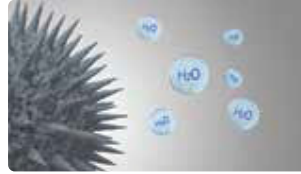
3 bước vô hiệu hóa các chất gây dị ứng



nanoe[™] tiếp cận chất gây dị ứng.



Các gốc OH phá hủy protein của chất gây dị ứng.



Vô hiệu hóa các chất gây dị ứng.

** : Đơn vị dựa trên tiêu chuẩn Panasonic

Tác nhân gây dị ứng		Kết quả**	Thể tích phòng	Thời gian (giờ)	Đơn vị thử nghiệm	Số báo cáo
Mạt bụi	<i>Dermatophagoides pteronyssinus</i>	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160615-F01
	<i>Dermatophagoides farinae</i>	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-170301-F15
Nấm mốc	Alternaria (Sooty moulds)	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160615-F02
	Aspergillus (<i>Aspergillus</i> genus)	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	
	Candida	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	
	Malassezia	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	
Côn trùng	Gián	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160615-F03
	Sâu bướm	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24		
Động vật	Chó	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160620-F01
	Mèo	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24		

Kết quả có thể khác tùy theo cách sử dụng, và thay đổi theo mùa và môi trường (nhiệt độ và độ ẩm). nanoe[™] X và nanoe[™] có khả năng ức chế hoạt động hoặc tăng trưởng của vi rút, nhưng không đảm bảo ngăn ngừa nhiễm trùng. Hiệu quả khử mùi tùy thuộc vào điều kiện môi trường (nhiệt độ và độ ẩm), thời gian vận hành, mùi, và loại vải.



Ức chế phấn hoa suốt năm

nanoe[™] X ức chế nhiều loại phấn hoa và đã được thử nghiệm hiệu quả trên 13 loại dưới đây, bao gồm các loại ở Châu Âu và Bắc Mỹ.

3 bước vô hiệu hóa phấn hoa



nanoe[™] X tiếp cận phấn hoa.



Các gốc OH phá hủy protein trong phấn hoa.



Vô hiệu hóa phấn hoa.

** : Đơn vị dựa trên tiêu chuẩn Panasonic

Các chất dị ứng từ phấn hoa	Kết quả**	Thể tích phòng	Thời gian (giờ)	Đơn vị thử nghiệm	Số báo cáo
Cedar	Vô hiệu 97%	Khoảng 23m ³	8	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-151001-F01
Cypress	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-151028-F01
Orchard grass	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24		
Ragweed	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24		
Alnus japonica	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160601-F01
Japanese white birch	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24		
Artemisia	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24		
Olive	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160601-F02
Juniper	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24		
Casuarina	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24		
Miscanthus	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24		
Timothy grass	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	4AA33-160701-F01
Humulus japonicus	Vô hiệu	Khoảng 23m ³	24	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	1V332-180301-F01

Kết quả có thể khác tùy theo cách sử dụng, và thay đổi theo mùa và môi trường (nhiệt độ và độ ẩm). nanoe™ X và nanoe™ có khả năng ức chế hoạt động hoặc tăng trưởng của vi rút, nhưng không đảm bảo ngăn ngừa nhiễm trùng. Hiệu quả khử mùi tùy thuộc vào điều kiện môi trường (nhiệt độ và độ ẩm), thời gian vận hành, mùi, và loại vải.



Vô hiệu hóa các chất độc hại có trong các hạt bụi mịn PM2.5

Có khả năng phân hủy axit carboxylic thơm (axit benzoic) và paraffin (hexadecane), các chất có hại.

3 bước vô hiệu hóa các chất độc hại



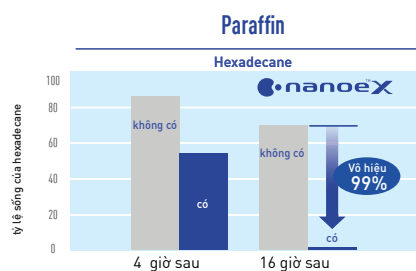
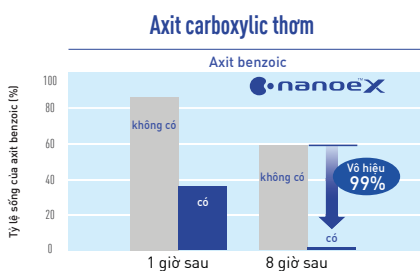
nanoe™ tiếp cận các chất độc hại.



Các gốc OH phá hủy protein trong các chất độc hại.



Vô hiệu hóa các chất độc hại.



** : Đơn vị dựa trên tiêu chuẩn Panasonic

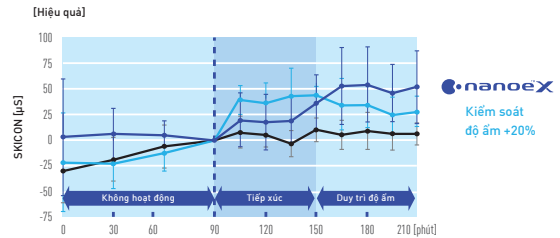
Các chất độc hại		Kết quả**	Thể tích phòng	Thời gian (giờ)	Đơn vị thử nghiệm	Số báo cáo
Các chất gây ô nhiễm	Paraffin(Hexadecane)	Vô hiệu 99%	Khoảng 23m ³	16	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y17NF089
	Aromatic carboxylic acid (Benzoic acid)	Vô hiệu 99%	Khoảng 23m ³	8	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y17NF096
Chất gây ung thư	Benz [a] anthracena (BaA)	Vô hiệu 78%	36L	8	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y13NF141
	Benzo [b] fluoranthene (BbF)	Vô hiệu 79%	36L	8	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y13NF142
	Benzo [a] pyrene (BaP)	Vô hiệu 97%	36L	8	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y13NF143
	Indeno [1,2,3-cd] pyrene (IcP)	Vô hiệu 97%	36L	8	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y13NF144
	Dibenzo [a,h] anthracene (Dha)	Vô hiệu 81%	36L	8	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	Y13NF145

Kết quả có thể khác tùy theo cách sử dụng, và thay đổi theo mùa và môi trường (nhiệt độ và độ ẩm). nanoe™ X và nanoe™ có khả năng ức chế hoạt động hoặc tăng trưởng của vi rút, nhưng không đảm bảo ngăn ngừa nhiễm trùng. Hiệu quả khử mùi tùy thuộc vào điều kiện môi trường (nhiệt độ và độ ẩm), thời gian vận hành, mùi, và loại vải.



Giữ ẩm da, mang lại mái tóc thẳng mượt

nanoe™ X kết hợp với lớp bã nhờn tự nhiên mang lại làn da mịn màng, căng bóng. Hơn nữa nanoe™ X còn giúp dưỡng ẩm tóc, góp phần làm cho tóc mềm, bóng mượt hơn.



nanoe™ X cải thiện độ ẩm cho làn da tương đương tăng 20% độ ẩm trong môi trường tự nhiên.

** : Đơn vị dựa trên tiêu chuẩn Panasonic

Da và tóc	Kết quả**	Thể tích phòng	Thời gian (giờ)	Đơn vị thử nghiệm	Số báo cáo
Da	Hiệu quả	Khoảng 34m ³	1	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	USG-KT-14K-012-TM
	Hiệu quả	Hộ gia đình tiêu chuẩn	28 ngày	FCG Research Institute, Inc.	19104
Tóc	Hiệu quả	Khoảng 46m ³	8 giờ x 15 ngày	Trung tâm phân tích sản phẩm Panasonic	USD-KS-15S-009-TM

Kết quả có thể khác tùy theo cách sử dụng, và thay đổi theo mùa và môi trường (nhiệt độ và độ ẩm). nanoe™ X và nanoe™ có khả năng ức chế hoạt động hoặc tăng trưởng của vi rút, nhưng không đảm bảo ngăn ngừa nhiễm trùng. Hiệu quả khử mùi tùy thuộc vào điều kiện môi trường (nhiệt độ và độ ẩm), thời gian vận hành, mùi, và loại vải.

Báo cáo thử nghiệm của nanoe™ X

Tác dụng của nanoe™ X được chứng minh qua các thử nghiệm được tiến hành tại phòng thí nghiệm. Kết quả này cũng đã được xác minh bởi các cơ quan có liên quan.



Trung tâm phân tích Anugrah, Indonesia



Trường đại học bách khoa Temasek, Singapore



Malaysia SIRIM Berhad




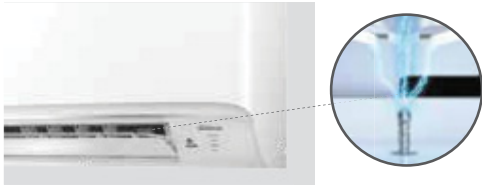
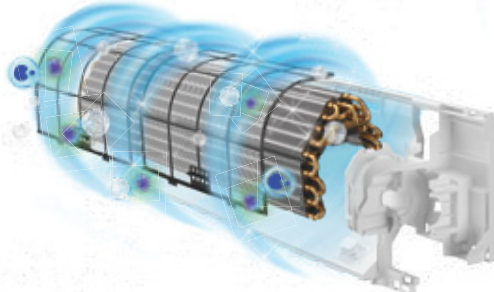
Viện Pasteur Việt Nam



Đại học Công nghệ King Mongkut, Thonburi, Thái Lan



nanoe™ làm sạch các bộ phận bên trong máy như thế nào?

 <p>1. “TẮT” nguồn</p> <p>Đầu tiên, tắt điều hòa không khí.</p>	 <p>2. nanoe™ X chạy ở chế độ quạt gió</p> <p>Thiết bị nanoe™ X phóng điện áp cao vào hơi ẩm được ngưng tụ để tạo ra các hạt nước chứa nhiều gốc OH.</p> <p>Dàn lạnh sẽ vận hành quạt trong 2,5 giờ suốt quá trình. Cánh đảo gió mở nhẹ để luồng gió lưu thông các gốc OH và vệ sinh bên trong điều hòa.</p>	 <p>3. Các gốc OH vô hiệu vi khuẩn trong quá trình nanoe™ X vệ sinh bên trong*</p> <p>nanoe™ X ức chế vi khuẩn và vi rút trong 2,5 giờ.</p>
<p>Lưu ý: Nguồn điện phải được mở trong suốt quá trình thực hiện.</p>	<p>Vận hành quạt: BẬT Cánh đảo gió: Cánh đảo gió mở nhẹ Đèn LED nanoe™: BẬT</p>	

VỆ SINH BÊN TRONG

ĐỐI TƯỢNG THỬ NGHIỆM	BỘ PHẬN KIỂM TRA	KẾT QUẢ	THỂ TÍCH PHÒNG	THỜI GIAN [giờ]	ĐƠN VỊ THỬ NGHIỆM	SỐ BÁO CÁO
Vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> NBRC3301	Lưới lọc	Vô hiệu hóa 99% [so với không vận hành]	42.8m ³	2.5	Protectea,Ltd	PR190803
	Dàn trao đổi nhiệt	Vô hiệu hóa 99% [so với không vận hành]	42.8m ³	2.5	Protectea,Ltd	PR190803
	Đầu thổi gió	Vô hiệu hóa 99% [so với không vận hành]	42.8m ³	2.5	Protectea,Ltd	PR191102
Vi rút <i>Escherichia coli</i> <i>Phage QB</i> NBRC20012	Lưới lọc	Vô hiệu hóa 99% [so với không vận hành]	42.8m ³	2.5	Protectea,Ltd	PR190803
	Dàn trao đổi nhiệt	Vô hiệu hóa 99% [so với không vận hành]	42.8m ³	2.5	Protectea,Ltd	PR190803
	Đầu thổi gió	Vô hiệu hóa 99% [so với không vận hành]	42.8m ³	2.5	Protectea,Ltd	PR191102

* Chỉ áp dụng cho dòng XPU.



PM2.5 là gì?

PM viết tắt của "Particulate matter", bao gồm vô số các thành phần trong đó có các hạt rắn và hạt lỏng cực nhỏ. Có kích thước nhỏ hơn 2,5 micromet (PM2.5), những hạt này được cho là nguyên nhân gây ra các vấn đề sức khỏe vì chúng có thể dễ dàng xâm nhập vào phổi của chúng ta.



SO SÁNH KÍCH THƯỚC HẠT

	PHẤN HOA 10µm-100µm	Kích thước (µm) Lớn 10µm ▲ ▲ 2.5µm ▼ ▼ ▼ ▼ Nhỏ
	VI KHUẨN 1µm-10µm	
	VI RÚT 0.001µm-0.1µm	

PM2.5 được tìm thấy trong

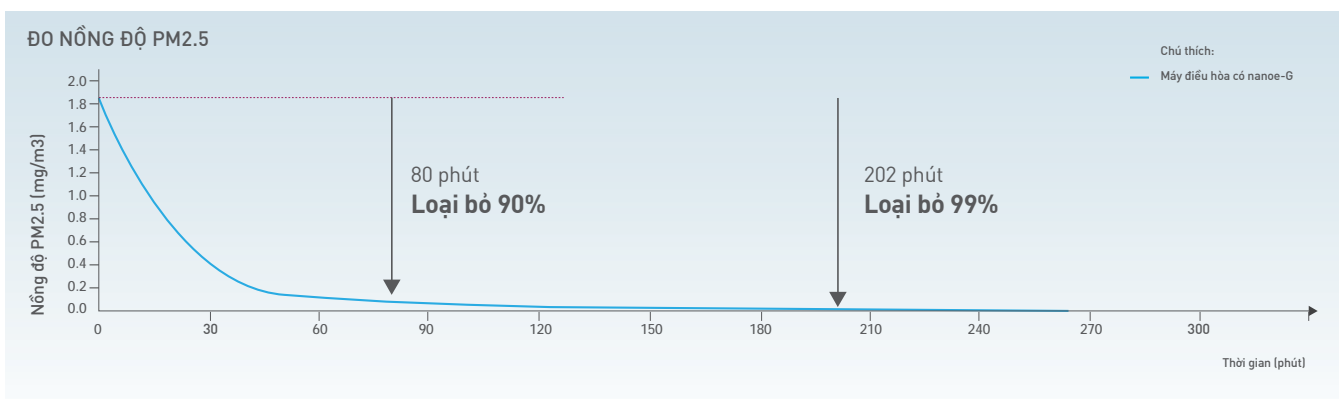
- Khói công nghiệp
- Khí thải
- Bụi
- Khói thuốc lá

NGUỒN GỐC PM2.5

PM2.5 bay lơ lửng trong không khí, bao gồm bụi bẩn, khói và các hạt cực nhỏ. Những hạt cực nhỏ này đến từ các hoạt động của con người như đốt cháy nhiên liệu, các quá trình công nghiệp cũng như trong các quá trình tự nhiên.



HIỆU QUẢ LOẠI BỎ PM2.5 THEO THỜI GIAN



** : Đơn vị dựa trên tiêu chuẩn Panasonic

Đối tượng thử nghiệm	Kết quả **	Thể tích phòng	Thời gian (giờ)	Đơn vị thử nghiệm	Số báo cáo
Các hạt trong không khí Khói thuốc lá (như PM2.5)	Loại bỏ 99% [so với nồng độ ban đầu]	23m ³	202 phút	FCG Research Institute, Inc.	25034

Làm lạnh tản nhiệt mang lại cảm giác mát lạnh thoải mái

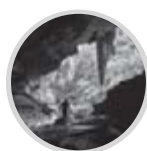
Máy điều hòa không khí thông thường thổi gió hướng xuống trực tiếp vào người để làm lạnh tức thì. Tuy nhiên, khi tiếp xúc quá lâu với luồng khí lạnh, chúng ta sẽ cảm thấy không thoải mái và bị khô da.

Khi nghiên cứu hiện tượng làm mát trong các hang động, Giáo sư Naoshi Kakitsuba đã phát hiện những tác dụng LÀM LẠNH TẢN NHIỆT. Ông nhận thấy rằng phương thức làm lạnh êm dịu và đều khắp này mang lại cảm giác thoải mái và khỏe mạnh hơn.



GIÁO SƯ NAOSHI KAKITSUBA

BỘ MÔN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC MEIJO, NHẬT BẢN



PHƯƠNG THỨC LÀM LẠNH TẢN NHIỆT

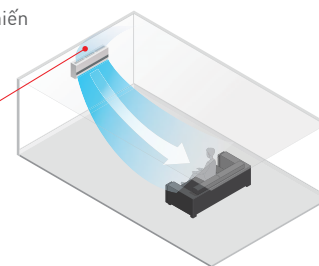


Gió thổi trên da sẽ hấp thụ nhiệt cơ thể khiến chúng ta cảm thấy mát.

Máy điều hòa không khí thông thường



Gió lạnh tiếp xúc trực tiếp với cơ thể tạo cảm giác mát lạnh hơn.

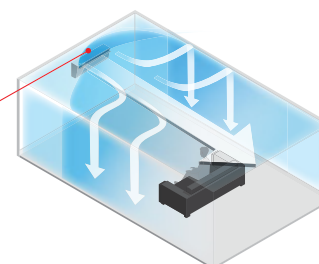


Nhiệt độ trong phòng được hấp thụ bằng cách làm lạnh trần nhà và các bức tường mang lại cảm giác mát lạnh dễ chịu.

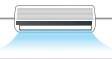
SKY SERIES



Gió làm mát trần và tường nhà giúp giải tỏa nhiệt.



Máy điều hòa không khí thông thường



SKY SERIES



LÀM MÁT DỄ CHỊU VÀ ĐỒNG ĐỀU

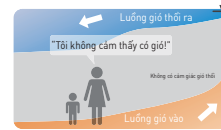
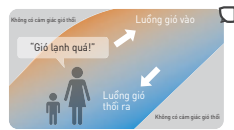
Dòng SKY làm lạnh đều khắp căn phòng dù không có cảm giác gió thổi. Hệ thống làm mát của dòng SKY hoạt động dựa trên phương thức **LÀM LẠNH TẢN NHIỆT**.

Phân bố nhiệt độ



Nhiệt độ được phân bố đều khắp các vị trí trong phòng, tạo cảm giác dễ chịu.

Tốc độ gió thổi



Cảm giác thoải mái trong không gian không có gió thổi (dưới 0,2 m/s*)

*Mét/giây



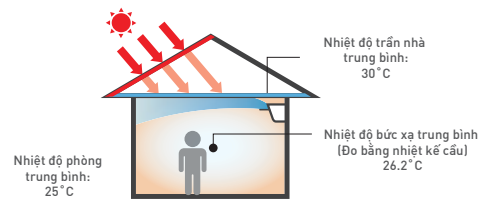
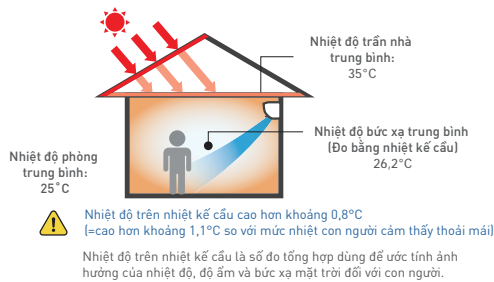
Điều kiện thí nghiệm: Đo tại điều kiện vận hành ổn định với nhiệt độ 25°C, tốc độ quạt cao "HI".



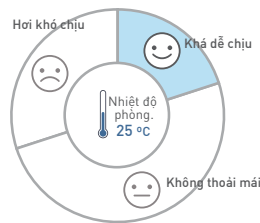
LÀM LẠNH TẢN NHIỆT LOẠI BỎ NHIỆT Ớ TRẦN VÀ TƯỜNG NHÀ

Dòng máy SKY đem lại cảm giác dễ chịu cho người dùng vì làm giảm nhiệt bức xạ từ trần nhà.

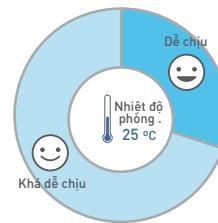
Nhiệt bức xạ từ mái và trần nhà



Đánh giá cảm nhận



20%
Khả dễ chịu



100%
Dễ chịu / Khả dễ chịu



Đo trong điều kiện vận hành ổn định tại nhiệt độ 25°C với tốc độ quạt ở mức trung bình "MEDIUM". Nhiệt độ phòng trung bình thực tế không đổi.



LỢI ÍCH CỦA LÀM LẠNH TẢN NHIỆT

Cánh đảo gió SKYWING hướng lên trên mà không thổi gió lạnh trực tiếp vào người sử dụng để **HẠN CHẾ NHIỆT ĐỘ QUÁ LẠNH, ĐỒNG THỜI DUY TRÌ ĐỘ ẨM CHO LÀN DA.**

Độ ẩm của da sau 60 phút
















Đo tại điều kiện vận hành ổn định với nhiệt độ 25°C, tốc độ quạt cao "HI".

*Chỉ áp dụng cho dòng INVERTER SANG TRỌNG.
*Tất cả kết quả kiểm tra dựa trên thử nghiệm nội bộ.




























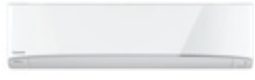


SO SÁNH CÁC TÍNH NĂNG

Dòng một chiều	DÒNG MỘT CHIỀU INVERTER SANG TRỌNG	DÒNG MỘT CHIỀU AERO INVERTER CAO CẤP	DÒNG MỘT CHIỀU INVERTER CAO CẤP	DÒNG MỘT CHIỀU INVERTER TIÊU CHUẨN kết nối wifi	DÒNG MỘT CHIỀU INVERTER TIÊU CHUẨN với nanoe™ X
	Dòng treo tường				
Dòng một chiều làm lạnh	CS-VU9UKH-8 CS-VU12UKH-8 CS-VU18UKH-8	CS-XU9UKH-8 CS-XU12UKH-8 CS-XU18UKH-8 CS-XU24UKH-8	CS-U9VKH-8 CS-U12VKH-8 CS-U18VKH-8 CS-U24VKH-8	CS-WPU9WKH-8M CS-WPU12WKH-8M CS-WPU18WKH-8M CS-WPU24WKH-8M	CS-XPU9WKH-8 CS-XPU12WKH-8 CS-XPU18WKH-8 CS-XPU18WKH-8B CS-XPU24WKH-8
	DUY TRÌ SỰ THOẢI MÁI				
Làm lạnh tản nhiệt	●				
iAUTO-X	●	●	●		
SLEEP CHẾ ĐỘ NGỦ	●	●	●	●	●
Điều khiển inverter	●	●	●	●	●
Chế độ Powerful				●	●
Chế độ siêu êm	●	●	●	●	●
Chế độ khử ẩm nhẹ	●	●	●	●	●
Tùy chỉnh hướng gió	●	●	●	● (WPU24)	● (XPU18-8B, XPU24)
Điều chỉnh hướng gió [Lên/xuống]				● (WPU9, WPU12, WPU18)	● (XPU9, XPU12, XPU18)
Điều chỉnh hướng gió ngang				● (WPU9, WPU12, WPU18)	● (XPU9, XPU12, XPU18)
Tự động đảo chiều [cho dòng hai chiều]					
Điều khiển khởi động ngay lập tức					
Chế độ ECO tích hợp A.I.				●	●
	LỌC SẠCH KHÔNG KHÍ				
nanoe™ X	●	●			●
nanoe-G	●	●	●	●	●
Cảm biến bụi	●				
Lớp phủ chống bụi	●				
Chức năng khử mùi	●	●	●	●	●
Nắp dàn lạnh có thể tháo rời, vệ sinh		●	●	●	●
	MANG LẠI SỰ THUẬN TIỆN				
Bộ hẹn giờ kép BẬT/TẮT 24 giờ	●	●	●	●	●
Bộ hẹn giờ cài đặt thời gian thực BẬT/TẮT 24 giờ					
Điều khiển không dây LCD	●	●	●	●	●
Điều khiển mạng LAN kết nối Internet	● (Tùy chọn)	● (Tùy chọn)	● (Tùy chọn)	● (Tích hợp)	● (Tùy chọn)
Điều khiển có dây	● (Tùy chọn)	● (Tùy chọn)	● (Tùy chọn)	● (Tùy chọn)	● (Tùy chọn)
	TIN CẬY				
Tự khởi động ngẫu nhiên (Ngẫu nhiên) (32 mẫu khởi động)	●	●	●	●	●
Dàn tản nhiệt màu xanh	●	●	●	●	●
Chiều dài đường ống ga (tối đa)	20m [VU9, VU12] 30m [VU18]	20m [XU9, XU12] 30m [XU18, XU24]	20m [U9, U12] 30m [U18, U24]	20m [WPU9, WPU12] 30m [WPU18, WPU24]	20m [XPU9, XPU12] 30m [XPU18, XPU18-8B, XPU24]
Cửa bảo trì nằm phía trên máy	●	●	●	●	●
Tự chẩn đoán lỗi	●	●	●	●	●

Công suất (Btu/h)	9,000	12,000
MÁY MỘT CHIỀU INVERTER SANG TRỌNG Trang 32-33	 CS-VU9UKH-8 (CU-VU9UKH-8)	 CS-VU12UKH-8 (CU-VU12UKH-8)
MÁY MỘT CHIỀU AERO INVERTER CAO CẤP Trang 34-35	 CS-XU9UKH-8 (CU-XU9UKH-8)	 CS-XU12UKH-8 (CU-XU12UKH-8)
MÁY MỘT CHIỀU INVERTER CAO CẤP Trang 36-37	 CS-U9VKH-8 (CU-U9VKH-8)	 CS-U12VKH-8 (CU-U12VKH-8)
MÁY MỘT CHIỀU INVERTER TIÊU CHUẨN kết nối wifi Trang 38-39	 CS-WPU9WKH-8M (CU-WPU9WKH-8M)	 CS-WPU12WKH-8M (CU-WPU12WKH-8M)
MÁY MỘT CHIỀU INVERTER TIÊU CHUẨN với nanoe™ X Trang 40-41	 CS-XPU9WKH-8 (CU-XPU9WKH-8)	 CS-XPU12WKH-8 (CU-XPU12WKH-8)
DÒNG MỘT CHIỀU TIÊU CHUẨN Trang 42-43	 CS-N9WKH-8 (CU-N9WKH-8)	 CS-N12WKH-8 (CU-N12WKH-8)
DÒNG HAI CHIỀU INVERTER CAO CẤP Trang 44-45	 CS-Z9VKH-8 (CU-Z9VKH-8)	 CS-Z12VKH-8 (CU-Z12VKH-8)
DÒNG HAI CHIỀU INVERTER TIÊU CHUẨN Trang 46-47	 CS-YZ9WKH-8 (CU-YZ9WKH-8)	 CS-YZ12WKH-8 (CU-YZ12WKH-8)

() : Dàn nóng

Dòng một chiều lạnh **Dòng hai chiều**

18,000	24,000	Tính năng
 <p>CS-VU18UKH-8 (CU-VU18UKH-8)</p>		 <p>SKYWING</p> <p>P-TECh</p>  <p>XTRA QUIET18₊ (CS-VU18UKH-8)</p>
 <p>CS-XU18UKH-8 (CU-XU18UKH-8)</p>	 <p>CS-XU24UKH-8 (CU-XU24UKH-8)</p>	 <p>AEROWINGS</p> <p>P-TECh</p> 
 <p>CS-U18VKH-8 (CU-U18VKH-8)</p>	 <p>CS-U24VKH-8 (CU-U24VKH-8)</p>	 <p>AEROWINGS</p> <p>P-TECh</p> 
 <p>CS-WPU18WKH-8M (CU-WPU18WKH-8M)</p>	 <p>CS-WPU24WKH-8M (CU-WPU24WKH-8M)</p>	 <p>BIG FLAP</p> <p>ECO+A.I.</p> 
 <p>CS-XPU18WKH-8 (CU-XPU18WKH-8)</p>  <p>CS-XPU18WKH-8B (CU-XPU18WKH-8B)</p>	 <p>CS-XPU24WKH-8 (CU-XPU24WKH-8)</p>	 <p>BIG FLAP</p> <p>ECO+A.I.</p> 
 <p>CS-N18VKH-8 (CU-N18VKH-8)</p>	 <p>CS-N24VKH-8 (CU-N24VKH-8)</p>	 <p>BIG FLAP</p>
 <p>CS-Z18VKH-8 (CU-Z18VKH-8)</p>	 <p>CS-Z24VKH-8 (CU-Z24VKH-8)</p>	 <p>AEROWINGS</p> <p>P-TECh</p> 
 <p>CS-YZ18UKH-8 (CU-YZ18UKH-8)</p>		 <p>BIG FLAP</p> <p>ECO+A.I.</p>  <p>(CS-YZ9/12WKH-8)</p>

Panasonic

Đại lý phân phối

Điện máy gốc
Bảo hành chính hãng tận nơi **SINCE 2002**

32/28 Đường 35, Khu phố 1, P. Bình An, TP. Thủ Đức, TP. HCM

• **Showroom**

57 Song Hành, P. An Phú, TP. Thủ Đức, TP. HCM

• **Điện thoại (08:00 - 17:00)**

0902 390 599 - 0898 477 699

Công ty TNHH Panasonic Việt Nam

• **Trụ Sở chính**

Lô J1-J2, Khu công nghiệp Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Hà Nội
Điện thoại: 0439550111 | Email: customer@vn.panasonic.com
Hotline : 1800 1593 (miễn phí) / (024) 3767 7360